



MỤC LỤC

Trang

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro về kinh tế.....	3
2. Rủi ro về cơ chế chính sách và Pháp luật.....	4
3. Rủi ro đặc thù ngành Than.....	5
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết.....	5
5. Rủi ro khác.....	5
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Tổ chức Niêm yết:.....	6
2. Tổ chức Tư vấn.....	6
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
2. Một số thành tích đạt được qua các thời kỳ.....	8
3. Một số thông tin cơ bản về Công ty.....	9
4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV	11
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông tại ngày 31/05/2008	25
6. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, những Công ty mà Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.	27
7. Hoạt động kinh doanh.....	27
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	44
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	46
10. Chính sách đối với người lao động.....	49
11. Chính sách lương thưởng, trợ cấp.....	51
12. Chính sách cổ tức.....	52
13. Tình hình hoạt động tài chính	52





14.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	62
15.	Tài sản.....	74
16.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2008.....	76
17.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	80
18.	Thông tin liên quan về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký Niêm yết:	80
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Chứng khoán Niêm yết:	81
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT		81
1.	Loại cổ phiếu.....	81
2.	Mệnh giá	81
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết	81
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Công ty:	81
5.	Phương pháp tính giá.....	82
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	83
7.	Các loại thuế có liên quan.....	83
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....		84
1.	Tổ chức tư vấn.....	84
2.	Tổ chức kiểm toán.....	85
VII. PHỤ LỤC.....		85



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các yếu tố mang tính hệ thống này gây tác động đến mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Đặc biệt, đối với những ngành nhạy cảm như nguyên nhiên liệu và lương thực, thực phẩm, mỗi biến động dù nhỏ của nền kinh tế đều tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và ngược lại. Mặt khác, ngành than cung cấp nhiên liệu cho các ngành công nghiệp như: điện, giấy, xi măng, phân bón... Vì vậy, mỗi một yếu tố kinh tế như lạm phát, tăng trưởng, chiến lược phát triển kinh tế vùng, địa phương đều có ảnh hưởng nhiều đến ngành than, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua các ngành khác vốn là khách hàng tiêu thụ của ngành than. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến than, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV cũng không nằm ngoài quy luật này.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển cao với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm từ 7% đến 8%. Tốc độ tăng trưởng GDP quý I năm 2008 của Việt Nam đạt 7,43%¹, mục tiêu tăng trưởng năm 2008 được rút xuống 7% nhưng vẫn là mức tăng trưởng cao so với các nền kinh tế trong khu vực. Như vậy, nền kinh tế phát triển với tốc độ cao kéo theo nhu cầu tiêu thụ về điện, nguyên nhiên vật liệu trong các lĩnh vực đều tăng theo. Đặc biệt, với khả năng cung cấp điện còn hạn chế của các nhà máy thủy điện như hiện nay, các nhà máy nhiệt điện phải hoạt động hết công suất, do đó càng đẩy mạnh sức tiêu thụ than. Điều này có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành than nói chung và của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV nói riêng.

Lạm phát

Những số liệu được công bố cho biết, trong 3 năm từ 2005 đến 2007, con số lạm phát danh nghĩa là 27,6% (2005: 8,4%, 2006: 6,6%, 2007: 12,6%). Năm 2008 được xác định nền kinh tế tiếp tục có mức lạm phát cao. Chỉ tính riêng quý I năm 2008, con số này đã lên đến 9,19%². Với mức lạm phát gần 2 con số, nền kinh tế nói chung sẽ chịu những tác động tiêu cực nhất định, từ đó có những tác động nhất định đến hoạt động của từng doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế. Đối với riêng ngành than, trong khi chi phí đầu vào không ngừng tăng cao kể từ đầu năm 2008 đến nay, giá bán của mặt hàng than nội địa vẫn không thay đổi do đây là mặt hàng Nhà nước kiểm soát giá, Điều này ít nhiều cũng gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của các công ty than nói chung và Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV nói riêng.

¹ http://www.mofa.gov.vn/vi/tt_baochi/nr041126171753/ns080331151428

² <http://www.sggp.org.vn/chinhtri/2008/4/149966/>





Lãi suất

Trước tình hình lạm phát tăng cao, và ảnh hưởng của chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ, các ngân hàng thương mại đồng loạt tăng lãi suất cho vay tín dụng. Hiện nay, lãi suất cho vay dao động từ 1,6%-1,8%/tháng³ và có xu hướng gia tăng trong thời gian tới. Đồng thời, các điều kiện cho vay cũng khó khăn hơn so với thời gian trước đây, nhiều ngân hàng đã tạm ngưng cho vay. Điều này đặt các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV nói riêng đứng trước khó khăn về vốn để thực hiện đầu tư trang thiết bị và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như áp lực gia tăng chi phí đầu vào do lãi suất tăng cao.

Tỷ giá hối đoái

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV cũng như các công ty thành viên khác của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, thực hiện bán than và xuất khẩu than theo sự chỉ định của Tập đoàn cả về số lượng và giá cả. Do vậy, tỷ giá hối đoái biến động không có tác động trực tiếp lên Công ty nhưng sẽ có tác động gián tiếp lên doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên, hầu hết các xe cơ giới, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đều là hàng nhập khẩu. Do đó, biến động tỷ giá hối đoái vẫn có những tác động nhất định đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, trong giai đoạn tỷ giá hối đoái biến động mạnh như hiện nay khi Ngân hàng Nhà nước phải liên tục điều chỉnh tỷ giá liên ngân hàng theo hướng giảm giá đồng Việt Nam so với USD (Nguồn: <http://www.sbv.gov.vn/vn/home/index.jsp>) Công ty sẽ phải cân nhắc kế hoạch đầu tư nhập khẩu trang thiết bị và xe cơ giới

2. Rủi ro về cơ chế chính sách và Pháp luật

Ngành than được xác định là ngành kinh tế trọng điểm nên một số hoạt động nhất định, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu than chịu sự điều chỉnh và điều tiết của các chính sách và chiến lược phát triển của Nhà nước và các Bộ, ngành liên quan. Tùy vào tình hình diễn biến thị trường tiêu thụ than trên thế giới cũng như nhu cầu tiêu thụ than của nền kinh tế trong nước, mức thuế xuất cũng như sản lượng xuất khẩu tối đa sẽ được điều chỉnh. Điều này có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động xuất khẩu nói riêng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, từ đó có tác động nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV. Mặt khác, với chính sách ưu tiên tiêu thụ than trong nước của chính phủ, giá bán than nội địa (tuy đang có chủ trương tăng 44%) vẫn thấp hơn nhiều so với giá bán xuất khẩu. Khi đó, nếu không được Nhà nước và Tập đoàn quản lý và điều tiết hợp lý thì có thể ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các công ty khai thác than nói chung và của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV nói riêng.

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 02/01/2007. Thời gian hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần còn ngắn, điều này

³ <http://www2.thanhnien.com.vn/Kinhhte/2008/3/12/229786.tno>





có ảnh hưởng nhất định đến việc cập nhật và thực thi các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty cổ phần.

Ngoài ra, với việc trở thành công ty đại chúng và đăng ký niêm yết, hoạt động của Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, mặc dù Luật Chứng khoán đã có hiệu lực và đi vào đời sống nhưng những văn bản hướng dẫn thi hành dưới luật vẫn đang trong quá trình bổ sung và hoàn thiện. Kết hợp 2 yếu tố này sẽ tạo nên những rủi ro nhất định đối với Công ty trong việc cập nhật và thực hiện đúng pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù ngành Than

Như đã nói ở trên, với tư cách là một ngành kinh tế trọng điểm nên ngành than chịu sự điều chỉnh và tác động nhất định của các cơ chế cũng như chính sách pháp luật. Theo đó, những chính sách này sẽ có những tác động nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động khai thác của Công ty là hoạt động khai thác lộ thiên. Hiệu quả của việc khai thác phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết. Mưa kéo dài sẽ làm ngập các moong khai thác, Công ty sẽ tốn những khoản chi phí không nhỏ để bơm thoát nước ra ngoài. Những chi phí phát sinh này sẽ tác động tương đối tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cả cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào bản thân kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường,..... Để giảm thiểu một cách tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, ngay từ thời điểm này, Công ty đã ban hành quy chế Công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của những cá nhân liên quan đối với việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 38/2007/TT-BTC ban hành ngày 18/04/2007 quy định về Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả, từ đó đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh, v.v... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Những rủi ro này có thể tác động tới hoạt động khai thác tại các khai trường, làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.





II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức Niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Ông: Lê Đình Trường	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Xuân Lập	Chức vụ:	Giám Đốc
Ông: Phạm Đắc Lâm	Chức vụ:	Phó Giám Đốc
Ông: Đặng Văn Tùng	Chức vụ:	Phó Giám đốc
Ông: Vũ Văn Tuấn	Chức vụ:	Kế toán trưởng
Ông: Đào Xuân Nam	Chức vụ:	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc có điều tra, thu thập một cách hợp lý. Theo đó, nhà đầu tư có thể hiểu, phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh trong quá khứ cũng như triển vọng trong tương lai của Công ty.

2. Tổ chức Tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Đại diện theo Pháp Luật:

Ông: **Hà Hoài Nam** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Bản Cáo Bạch này là một phần của Hồ sơ xin đăng ký Niêm yết Cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long - KLS tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn với Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV cung cấp.





III. CÁC KHÁI NIỆM

Việt Nam:	Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV;
Cao Sơn - TKV:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV;
Tập đoàn TKV:	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
Cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV;
ĐKNY:	Đăng ký Niêm yết;
KLS:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kim Long;
UBCK NN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
TTGDCK Hà Nội:	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
TTLKCK Hà Nội:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Hà Nội;
Hastc:	Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông;
HĐQT:	Hội đồng quản trị;
BGD:	Ban Giám Đốc;
BKS:	Ban Kiểm Soát;
Thuế TNDN:	Thuế Thu nhập doanh nghiệp;
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên;
BCTC:	Báo cáo Tài chính;
DTT:	Doanh thu thuần;
LNST:	Lợi nhuận sau thuế;
ĐVT:	Đơn vị tính;
VNĐ:	Đồng Việt Nam;



IV. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- ❖ Ngày 06/06/1974, Xí nghiệp Xây dựng Mỏ Than Cao Sơn (sau là Công ty than Cao Sơn) được thành lập;
- ❖ Năm 1980, mỏ than Cao Sơn chính thức sản xuất được tấn than đầu tiên;
- ❖ Ngày 26/05/1982, Xí nghiệp phát triển thành Mỏ than Cao Sơn với trữ lượng than nguyên khai công nghiệp toàn mỏ là 70.235.000 tấn than;
- ❖ Ngày 17/09/1996, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 2606/QĐTCCB quyết định thành lập Mỏ than Cao Sơn là doanh nghiệp thành viên hoạch toán độc lập của Tổng công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam);
- ❖ Ngày 16/10/2001, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) thông qua quyết định số 405/QĐ-HĐQT, chính thức đổi tên Mỏ than Cao Sơn thành Công ty Than Cao Sơn, là thành viên hoạch toán độc lập của Tổng công ty Than Việt Nam;
- ❖ Ngày 08/08/2006, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Than Cao Sơn –TKV là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;
- ❖ Ngày 02/01/2007, Công ty chính thức hoạt động theo cơ chế công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: **22 03 00 07 48** cấp lần đầu ngày 02/01/2007 đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh với tổng số vốn điều lệ là **100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng**;

Sau 33 năm (từ năm 1974 đến năm 2007), liên tục phấn đấu trưởng thành, vừa xây dựng con người mới vừa áp dụng công nghệ khai thác, thiết bị tiên tiến nhất thế giới của các nước Mỹ, Nhật, Thụy Điển, Nga... Công ty đã khai thác được 27.000.000 tấn than, bốc xúc và vận chuyển được 199.000.000 m³ đất đá, xứng đáng với danh hiệu Anh hùng Lao động của Đảng và Nhà nước trao tặng.

2. Một số thành tích đạt được qua các thời kỳ

- ❖ Đơn vị Anh Hùng lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2005);
- ❖ Huân chương Độc Lập hạng 3 (năm 2003);
- ❖ Huân chương Lao động Hạng nhất về thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thời kỳ đổi mới (năm 2004) ;
- ❖ 15 Huân chương Lao động Hạng Ba cho các tập thể, đơn vị và cá nhân;
- ❖ Năm 1994, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì về thành tích tiêu biểu xuất sắc trong 20 năm xây dựng và trưởng thành (1974-1994);





- ❖ Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ cho đơn vị dẫn đầu ngành than (năm 1999);
- ❖ Cờ thi đua xuất sắc của Bộ, Tỉnh, ngành các năm 1994, 1996, 1999, 2000, 2001, 2002 và năm 2003;
- ❖ Bằng khen của Chính phủ các năm 1989, 1991, 1995;
- ❖ Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam-Bộ VH TT và Ủy ban TDTT Việt Nam cho đơn vị có thành tích xuất sắc xây dựng đời sống văn hoá năm 2000;
- ❖ Năm 2000, Công ty được Tổng LĐLĐ Việt nam - Bộ văn hoá thông tin - Ủy ban TDTT Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc cho đơn vị có phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở trong CNVC-LĐ.
- ❖ Năm 2002, được Bộ tài chính tặng bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.
- ❖ Giải thưởng Môi trường của tổ chức Môi trường thế giới, kèm theo Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường năm 2004;
- ❖ Giải thưởng Sao vàng Đất Việt của UBTW Hội các Doanh Nghiệp trẻ Việt Nam, kèm theo Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về chất lượng sản phẩm than có chất lượng cao năm 2004, Cúp Vàng thương hiệu năm 2005, Giải cầu vàng chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn do Bộ Công nghiệp trao tặng năm 2005;

3. Một số thông tin cơ bản về Công ty

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN- TKV

Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin – CaoSon Coal Joint Stock Company

Tên viết tắt: VCASC

Logo:



Giấy Chứng nhận ĐKKD: số **22 03 000748** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 04 năm 2008.

Trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn, Thị Xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh



Trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn

Điện thoại: (033) 862.210 **Fax:** (033) 863.945

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- ❖ Khai thác, chế biến kinh doanh than và các loại khoáng sản khác;
- ❖ Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng và san lấp mặt bằng;
- ❖ Chế tạo, sửa chữa, gia công các thiết bị mỏ, phương tiện vận tải, các sản phẩm cơ khí;
- ❖ Sản xuất các mặt hàng bằng cao su;
- ❖ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- ❖ Quản lý, khai thác cảng và bến thủy nội địa;
- ❖ Vận tải đường thủy, đường bộ, đường sắt;
- ❖ Trồng rừng và khai thác gỗ; nuôi trồng thủy sản.
- ❖ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa.
- ❖ Kinh doanh du lịch, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng



Cơ cấu vốn điều lệ:

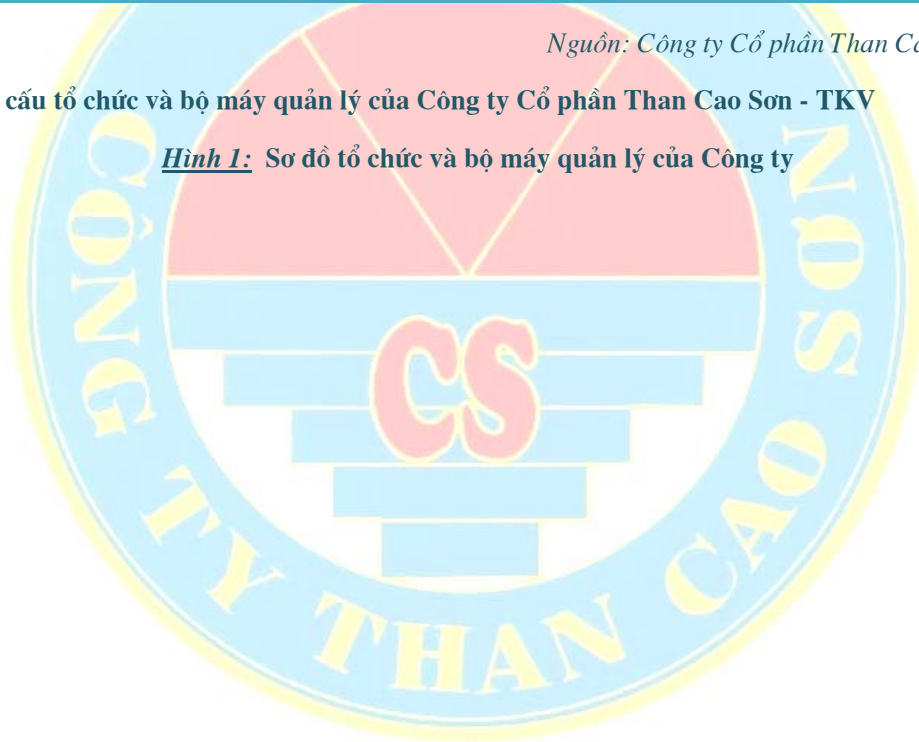
Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/05/2008

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Vốn góp của Nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, đại diện được cử nắm giữ là ông Lê Đình Trường	5.100.000	51%
2	Vốn góp của các cổ đông khác	4.900.000	49%
Tổng cộng		10.000.000	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

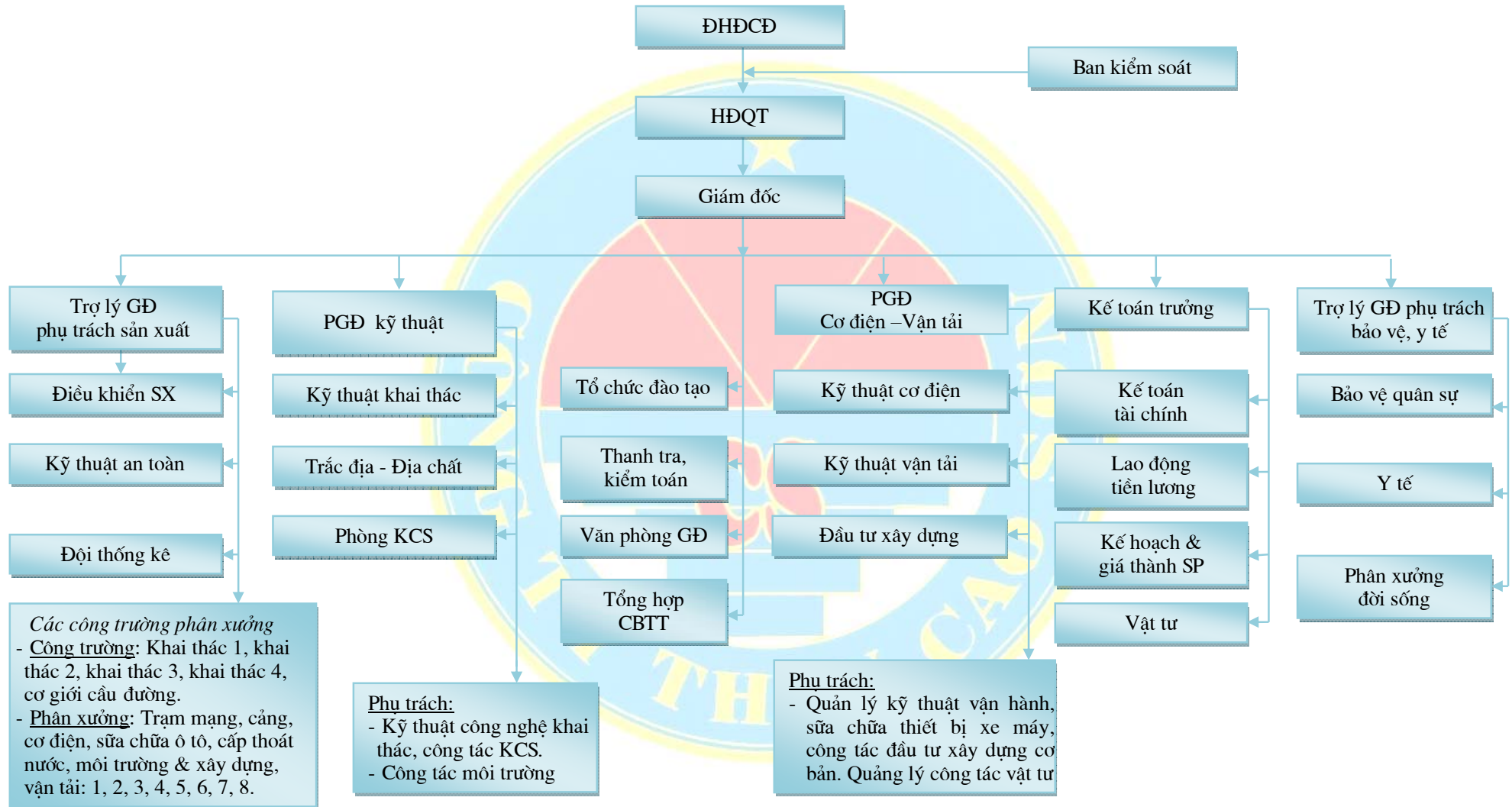
Hình 1: Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty





BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV





Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 22 tháng 03 năm 2008.

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- ❖ Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của kiểm toán viên;
- ❖ Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- ❖ Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- ❖ Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- ❖ Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- ❖ Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- ❖ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

- ❖ Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- ❖ Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- ❖ Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ.
- ❖ Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- ❖ Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- ❖ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- ❖ Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;



- ❖ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- ❖ Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- ❖ Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- ❖ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- ❖ Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- ❖ Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- ❖ Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- ❖ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám Đốc:

Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nên Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- ❖ Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
- ❖ Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- ❖ Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- ❖ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- ❖ Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- ❖ Đại diện Công ty trước Pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến





Công ty;

- ❖ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Các phòng ban chức năng của Công ty:

Các phòng ban trong Công ty có chức năng tham mưu giúp cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, các quy định của Tập đoàn, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Nhiệm vụ chung của các phòng ban là:

- ❖ Chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả, hiệu lực các nhiệm vụ cụ thể được giao nhằm nâng cao sức cạnh tranh, phát triển của Công ty; Khuyến khích các phòng ban đề xuất các giải pháp sáng tạo nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ❖ Giúp Giám đốc tổ chức, điều hành các hoạt động nghiệp vụ, các hoạt động sản xuất ở các đơn vị trong Công ty thuộc lĩnh vực được giao và thường xuyên báo cáo Giám đốc kịp thời về kết quả thực hiện các hoạt động đó;
- ❖ Phối hợp với các phòng ban khác, các đơn vị bên ngoài Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao chủ trì nhiệm vụ có liên quan đến nhiều phòng ban hoặc nhiệm vụ khác được giao.

Phòng Tổ chức Đào tạo (TCĐT):

Phòng TCĐT có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty về công tác tổ chức, cán bộ và công tác đào tạo, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Căn cứ Điều lệ của Công ty, cơ chế chính sách của Tập đoàn, tình hình đặc điểm, mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty để đề xuất về tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý và công tác cán bộ;
- Nghiên cứu tham mưu cho lãnh đạo Công ty về sắp xếp, bố trí, giao nhiệm vụ, bổ nhiệm cán bộ và xây dựng quy hoạch, luân chuyển cán bộ theo đúng quy chế quản lý cán bộ của Công ty, của Tập đoàn;
- Theo dõi và thực hiện: nâng bậc lương, thi nâng ngạch cho CBNV, nghỉ hưu trí theo đúng quy định của Nhà nước;
- Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ; giúp lãnh đạo Công ty đánh giá, nhận xét cán bộ theo định kỳ hàng năm đúng quy định;
- Căn cứ nhiệm vụ hàng năm và phương hướng phát triển của Công ty và tiêu chuẩn viên chức, nhu cầu lao động kỹ thuật để lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật dài hạn, ngắn hạn và kế hoạch tuyển dụng lao động (lao động có trình độ từ trung học chuyên nghiệp trở lên);





Văn phòng Giám đốc:

Văn phòng có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty về tổ chức các hoạt động điều hành của Công ty thông suốt, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Qua các công văn giấy tờ giúp Giám đốc, Hội đồng quản trị theo dõi đơn đốc các phòng ban, đơn vị trong Công ty thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy định, quyết định của Công ty và cấp trên; Đảm bảo việc soạn thảo, in ấn, phát hành, quản lý văn bản (văn bản đến và đi) theo đúng quy định;
- Theo dõi tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh, đời sống xã hội, phong trào, công tác thi đua tuyên truyền, văn hoá thể thao và lập báo cáo sơ, tổng kết đúng nội dung, thời gian quy định của Công ty, của Tập đoàn và của các ban ngành liên quan;
- Soạn thảo, chuẩn bị nội dung, chương trình để Giám đốc báo cáo, làm việc với khách và cấp trên, lập và ban hành văn bản về các cuộc họp, hội nghị giữa Giám đốc với các cơ quan, đoàn thể trong và ngoài Công ty;
- Quản lý toàn bộ công trình, tài sản, dụng cụ, phương tiện làm việc, kể cả hệ thống cấp nước, điện thấp sáng ... và các công trình văn hoá (cơ sở vật chất, hiện vật...) thuộc Văn phòng và xây dựng kế hoạch sửa chữa, tu bổ, trang bị kịp thời;
- Quản lý và sử dụng con dấu; quản lý việc cấp giấy tờ, xác nhận cho CNVC trong, ngoài Công ty theo quy định;
- Tổ chức và phục vụ các cuộc họp, hội nghị của Công ty và mọi công việc khác phát sinh thuộc nghiệp vụ Văn phòng.

Phòng Kế hoạch và giá thành sản phẩm (KH>SP):

Phòng KH>SP có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty về quản lý tổng hợp công tác kế hoạch hoá, tiêu thụ và kiểm soát chi phí, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Thường trực quản lý hướng dẫn, đơn đốc và tập hợp công tác lập, trình duyệt kế hoạch; lập báo cáo thực hiện kế hoạch với Công ty và cấp trên; soạn thảo, trình duyệt Giám đốc giao kế hoạch, nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc; theo dõi, đơn đốc thực hiện kế hoạch và kịp thời đề xuất các biện pháp đảm bảo thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch từng kỳ và năm của Công ty;
- Theo phân cấp của Tập đoàn, chủ động yêu cầu và phối hợp các phòng ban đề xuất, xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, đầu tư phát triển, đổi mới công nghệ, cải tạo mở rộng Công ty;
- Trực tiếp lập hoàn chỉnh kế hoạch ngắn hạn, dài hạn với các nội dung sau:
 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh than và sản phẩm ngoài than;





- Kế hoạch tiêu thụ than;
- Kế hoạch chi phí sản xuất, quản trị chi phí và giá thành sản phẩm.
- Tổng hợp kế hoạch (các kế hoạch do các phòng ban liên quan lập), cân đối toàn bộ kế hoạch của Công ty để trình cấp trên đúng quy định;
- Soạn thảo trình ký các hợp đồng mua bán than, các hợp đồng kinh tế khác và theo dõi đơn đốc thực hiện, thanh lý hợp đồng đúng theo quy định của Tập đoàn và Nhà nước; trực tiếp giải quyết các thủ tục mua bán than với khách hàng và phối hợp giải quyết những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện;
- Soạn thảo xây dựng cơ chế, biện pháp về công tác lập và quản lý kế hoạch, như: Quy trình lập, duyệt kế hoạch; giao khoán chi phí sản xuất cho các đơn vị trong Công ty và hướng dẫn phục vụ cho công tác nghiệm thu, thanh toán khoán chi phí;
- Nghiên cứu, khảo sát thị trường tiêu thụ than, giá cả vật tư hàng hoá, giá thiết bị để cùng các phòng ban liên quan tham mưu cho Hội đồng giá Công ty phục vụ cho công tác lập kế hoạch;
- Theo dõi, cập nhật các chỉ tiêu chủ yếu; các yếu tố có ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của Công ty giúp Giám đốc điều hành sản xuất đạt hiệu quả.
- Thường xuyên nghiên cứu hệ thống quản lý chi phí, phát hiện những chi phí bất hợp lý, đề xuất ứng dụng công nghệ tiên tiến, có thể giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng Lao động Tiền lương (LĐTL):

Phòng LĐTL có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty trong công tác nhân lực, trả công lao động, công tác xã hội, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Tổ chức quản lý sử dụng và thực hiện đúng, đầy đủ chế độ, chính sách Nhà nước về lĩnh vực công tác Lao động Tiền lương trong Công ty;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty: lập kế hoạch chi tiết (ngắn và dài hạn về lao động, tiền lương và chế độ chính sách người lao động theo hướng dẫn, quy định của Tập đoàn, của Nhà nước;
- Trực tiếp triển khai hoặc phối hợp triển khai kế hoạch lao động tiền lương hàng năm;
- Quản lý hướng dẫn thực hiện chính sách (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, bồi dưỡng hiện vật...) và lập thủ tục trình duyệt giải quyết chế độ chính sách cho người lao động; đề xuất biện pháp (hoặc xây dựng thành cơ chế) chăm sóc người lao động và gia đình người lao động;





Phòng Vật tư (VT):

Phòng VT thực hiện chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, cung ứng vật tư, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty xây dựng và ban hành quy chế quản lý, sử dụng vật tư trong Công ty theo đúng các quy định của Tập đoàn và Pháp luật của Nhà nước;
- Căn cứ kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty và định mức vật tư lập kế hoạch, tổ chức việc cung ứng vật tư hàng hoá **đáp ứng** kịp thời nhu cầu của sản xuất; theo dõi việc thực hiện các định mức;
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý, cung ứng vật tư theo đúng quy định của Công ty, Tập đoàn và Pháp luật Nhà nước, hướng dẫn, kiểm tra quá trình thực hiện công tác quản lý vật tư ở các đơn vị trong Công ty và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời;
- Khảo sát giá cả thị trường, tìm khách hàng, nguồn hàng để tham gia vào việc chọn đối tác và giá mua, bán vật tư trình Hội đồng giá Công ty;
- Giải quyết kịp thời các yêu cầu mua, bán, nhập, xuất vật tư hàng hoá đột xuất, đảm bảo quy định quản lý;

Phòng Đầu tư Xây dựng (ĐTXD):

Phòng ĐTXD có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty về công tác đầu tư, trực tiếp quản lý công tác đầu tư xây dựng nhưng không giới hạn bởi nhiệm vụ sau:

- Thường trực về công tác lập dự án đầu tư, mua trang sắm thiết bị, đổi mới công nghệ; sửa chữa lớn của Công ty; sửa chữa lớn tài sản vật kiến trúc của Công ty; xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng, thủ tục trình duyệt; quản lý nguồn vốn đầu tư XD CB;
- Thường trực về nghiệm thu, bàn giao các công trình, sản phẩm về xây dựng cũng như trang thiết bị mua mới trong Công ty;
- Tham gia lập quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch trên toàn bộ ranh giới đất đai do Công ty quản lý, tham gia lập quy hoạch, lập các dự án về xây dựng và duy trì phát triển sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Công ty và cấp trên;
- Tham mưu giúp việc trực tiếp cho Giám đốc về thủ tục xin cấp đất, thuê đất, quản lý sử dụng đất đai đúng theo Luật đất đai của Nhà nước;
- Lập hồ sơ, tài liệu cấp cho các phòng, đơn vị liên quan để quyết toán công trình, thống kê tổng hợp báo cáo quá trình thực hiện theo quy định của Công ty, Tập đoàn TKV cũng như quy định của Nhà nước;
- Lập kế hoạch tiến bộ kỹ thuật về XD CB, hướng dẫn thực hiện Điều lệ, quy phạm, quy





định về XDCCB;

Phòng Kế toán Tài chính (KTTC):

Phòng KTTC tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty thực hiện Luật kế toán, thống kê, quản lý các hoạt động hạch toán kế toán, các hoạt động tài chính, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn; quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng kinh phí của các đơn vị trong Công ty;
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch thu, chi tài chính, kỷ luật thu nộp thanh toán, kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng các loại tài sản vật tư, tiền vốn, kinh phí; phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành động tham ô lãng phí vi phạm chính sách, chế độ, kỷ luật kinh tế, tài chính của Nhà nước;
- Thực hiện các nghiệp vụ kiểm soát công nợ, cho vay, thanh toán;
- Thực hiện các nghiệp vụ tín dụng, thanh toán của Công ty với các ngân hàng, tổ chức tín dụng;
- Tổ chức kiểm tra, quyết toán các dự án đầu tư, công trình đầu tư xây dựng cơ bản;
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán của Công ty và phối hợp, hướng dẫn tổ chức công tác hạch toán ở các công trường, phân xưởng trong Công ty;
- Tổ chức thanh toán các nghiệp vụ mua, bán than và các sản phẩm khác;
- Lập các báo cáo thống kê, báo cáo quyết toán đầu tư, báo cáo tài chính;

Phòng Bảo vệ - Quân sự (BVQS):

Phòng BVQS có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực bảo vệ tài sản, an ninh trật tự và công tác quân sự, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án, nội quy, quy chế bảo vệ cơ quan, xí nghiệp; tổ chức thực hiện các chỉ thị, quy định, quyết định của Tập đoàn, của Nhà nước về công tác bảo vệ quân sự;
- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ hoặc tổ chức phối hợp các đơn vị trong và ngoài Công ty để bảo vệ trật tự, an ninh, an toàn trên địa bàn phụ trách; phát hiện, ngăn chặn kịp thời những vụ việc vi phạm trộm cắp tài sản, mất trật tự an ninh và lập đủ hồ sơ để Công ty xem xét, xử lý;
- Trực tiếp hoặc phối hợp làm công tác kiểm soát, tuần tra canh gác; công tác quản lý hộ khẩu tập thể, quản lý vũ khí, chất dễ cháy, chất nổ, chất độc;



- Tổ chức thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn của cơ quan công an, xác minh làm rõ và đề nghị Giám đốc về hình thức xử lý các hành vi vi phạm hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm đến an ninh chính trị, tài sản và an ninh trật tự của Công ty;

Phòng Kỹ thuật Khai thác (KTKT):

Phòng Kỹ thuật Khai thác thực hiện chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty về kỹ thuật, công nghệ khai thác, bảo vệ môi trường, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Thường trực và chịu trách nhiệm lập kế hoạch khai thác tháng, quý, năm; kế hoạch công nghệ khai thác dài hạn; kế hoạch huy động tài nguyên, nghiên cứu khoa học công nghệ khai thác, bảo vệ môi trường.....phù hợp với Luật tài nguyên và kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển của Công ty;
- Tham gia lập quy hoạch, quản lý quy hoạch trên toàn bộ ranh giới Công ty quản lý;
- Tham gia việc lập các dự án đầu tư về kỹ thuật công nghệ khai thác, bảo vệ môi trường, các công trình bảo vệ sản xuất, tiêu thụ để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo sự chỉ đạo của Tập đoàn và các ban ngành liên quan;
- Tham mưu đề xuất biện pháp trực tiếp cho Giám đốc về quản lý, sử dụng đất đai tài nguyên, thiết bị, vốn để khai thác, sản xuất có hiệu quả; chọn đối tác để Công ty thuê thiết kế, lập dự án, báo cáo khả thi, thi công các khu vực khai thác; các công trình công nghệ khai thác.....theo đúng quy định;
- Trực tiếp thiết kế khai thác mỏ, khai trường khai thác, các công trình công nghệ khai thác trên cơ sở đề cương, dự toán theo phân cấp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Nghiên cứu thiết kế, báo cáo khả thi, dự án thiết kế các công trình khai thác, thẩm tra trình duyệt các vấn đề trên, khi Công ty ký hợp đồng với các cơ quan, doanh nghiệp ngoài Công ty thực hiện;
- Đôn đốc và giám sát các công trường khai thác, phục vụ sản xuất khai thác thực hiện kế hoạch và công nghệ kỹ thuật; xác nhận khối lượng, chất lượng nghiệm thu các sản phẩm khai thác như: Bốc xúc đất đá, than khai thác, mét khoan, đất đá nổ mìn; làm, sửa chữa đường; các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác, bãi thải;
- Lập hồ sơ, tài liệu cấp cho các phòng ban liên quan và báo cáo ngành dọc cấp trên về nghiệm thu sản phẩm khai thác, thống kê báo cáo kỹ thuật, cơ sở tài nguyên, khai thác để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định;

Phòng Trắc địa - Địa chất (TĐ-ĐC):

Phòng TĐ-ĐC thực hiện chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản trị, thăm dò tài nguyên, đo đạc nghiệm thu sản phẩm khai thác mỏ, bao gồm những



nhiệm vụ chính sau:

- Tham mưu và chịu trách nhiệm trước Công ty; tổ chức thực hiện mọi công việc thuộc chuyên môn nghiệp vụ trắc địa, địa chất trong toàn Công ty; nghiên cứu các báo cáo thăm dò tài nguyên khoáng sản, địa chất, các tài liệu kết quả trắc địa trên toàn bộ ranh giới thuộc Công ty quản lý; tham mưu cho Công ty khai thác tài nguyên, sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả;
- Quản lý các báo cáo thuộc lĩnh vực địa chất, trắc địa mỏ;
- Cập nhật địa hình và địa chất theo định kỳ để có tài liệu địa hình, địa chất cung cấp phục vụ cho công tác lập kế hoạch tháng, quý, năm dài hạn, lập kế hoạch sản xuất, khai thác của Công ty sát với thực tế và có tính khả thi;
- Cùng với các phòng ban liên quan lập kế hoạch khai thác, tham gia xây dựng công nghệ tuyển chọn, chế biến than phù hợp với kế hoạch sản xuất và phát triển Công ty;
- Lập các báo cáo nghiệm thu khối lượng than, đất đo đạc, khối lượng vận chuyển theo định kỳ, báo cáo chuyên ngành về quản lý, khai thác tài nguyên theo quy định để cấp cho các phòng, ban liên quan và ngành dọc cấp trên;
- Đo đạc, lập bản đồ, tài liệu địa chất, trắc địa phục vụ các nhu cầu khác của Công ty; thường trực về công tác quản lý ranh giới mỏ và tài nguyên;

Phòng kỹ thuật Cơ điện (CĐ):

Phòng CĐ thực hiện chức năng tham mưu, giúp HĐQT và Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý vận hành an toàn, hiệu quả các thiết bị khai thác, thiết bị công nghệ, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Tham mưu cho Công ty về quản lý, vận hành, sửa chữa, trang bị mới thiết bị khai thác và thiết bị công nghệ an toàn và hiệu quả (trừ ô tô, xe gạt, phương tiện thủy);
- Quản lý kỹ thuật vận hành, soạn thảo quy trình vận hành, sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị; đôn đốc kiểm tra và duy trì sự hoạt động của các thiết bị cơ điện an toàn, năng suất, đáp ứng đủ năng lực thiết bị theo yêu cầu sản xuất và phục vụ công tác khác của Công ty;
- Tổ chức, chuẩn bị cuộc họp thường kỳ kiểm điểm về công tác cơ điện, lập các đoàn kiểm tra định kỳ, đột xuất hoặc chuyên đề thuộc lĩnh vực công tác cơ điện;
- Quản lý, tổ chức hiệu chỉnh, chỉnh định và kiểm tra định kỳ các thông số làm việc và bảo vệ Trạm điện 35/6 KV, các thông số làm việc của hệ thống điện các máy xúc, máy khoan, tủ trạm theo thiết bị và yêu cầu các đơn vị phải thực hiện đúng các thông số đã chỉnh định;
- Đề xuất việc bố trí sắp xếp, điều động thiết bị cơ điện giữa các đơn vị trong Công ty phù hợp với sản xuất của đơn vị và sản xuất của Công ty;





- Lập hồ sơ, tài liệu, thống kê báo cáo kỹ thuật chuyên ngành cơ điện theo quy định cấp cho các phòng ban liên quan và báo cáo ngành dọc cấp trên;

Phòng Kỹ thuật Vận tải (KTVT):

Phòng KTVT thực hiện chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty về quản lý vận hành an toàn, hiệu quả các thiết bị vận tải, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Tham mưu cho Công ty về quản lý, vận hành, sửa chữa, trang bị mới thiết bị vận tải, xe gạt và các thiết bị khác theo chức năng quản lý đảm bảo an toàn, hiệu quả đúng quy định;
- Thực hiện quản lý ô tô, xe gạt, phương tiện thủy trong Công ty theo đúng quy định (các thiết bị phải đủ hồ sơ, giấy phép);
- Quản lý kỹ thuật vận hành, soạn thảo quy trình vận hành, sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị, xe vận tải, xe gạt để Giám đốc duyệt; đôn đốc, kiểm tra, duy trì hoạt động của thiết bị vận tải, xe gạt an toàn, có năng suất và đạt hiệu quả đáp ứng đủ yêu cầu sản xuất, phục vụ sản xuất của Công ty;
- Tổ chức và chuẩn bị các cuộc họp thường kỳ kiểm điểm về công tác vận tải ô tô; lập các đoàn kiểm tra định kỳ, đột xuất hoặc chuyên đề của Công ty để kiểm tra các phân xưởng vận tải, phân xưởng sửa ô tô;
- Tham gia duyệt, cấp vật tư, phụ tùng, dầu mỡ cho các thiết bị, xe máy theo đúng định mức và quy định.

Phòng Điều khiển sản xuất (ĐKSX):

Phòng ĐKSX thực hiện chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty trong lĩnh vực điều hành sản xuất, chuẩn bị chân hàng phục vụ tiêu thụ, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Lập phương án, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, công tác ca, ngày, tác nghiệp và tháng;
- Nắm vững các nguồn dự trữ năng lực sản xuất (thiết bị, vật tư, lao động...) trong kỳ tác nghiệp để đảm bảo cho việc điều hành, chỉ huy sản xuất đạt kết quả;
- Trên cơ sở thông tin về cơ cấu khối lượng, chất lượng than bán phối hợp cùng các phòng ban liên quan chuẩn bị nguồn và điều hành sản xuất hợp lý, hiệu quả;
- Thông báo các yêu cầu quản lý và tình hình sản xuất, kỹ thuật cho các phòng ban liên quan để có biện pháp xử lý kịp thời;
- Bố trí hợp lý phương tiện vận chuyển, các thiết bị phục vụ theo yêu cầu sản xuất, công tác của các đơn vị trong toàn Công ty;
- Thu nhận, tổng hợp, xử lý thông tin sản xuất và thực hiện chương trình chỉ huy sản xuất trong ca, ngày theo quy định của Phó giám đốc phụ trách sản xuất;





Phòng KCS:

Phòng KCS thực hiện chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty về kiểm tra, giám định, nghiệm thu than và phối hợp cùng các đơn vị chuẩn bị đủ chân hàng theo hợp đồng, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về kết quả kiểm tra, giám định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm than của các đơn vị sản xuất, than bán cho khách hàng (bán tại Máng ga và bán tại Cảng);
- Khi tiến hành kiểm tra, nghiệm thu chất lượng than của các đơn vị sản xuất trong Công ty phải làm đúng các quy định chất lượng đã được Công ty giao trong từng thời kỳ, đảm bảo trung thực, khách quan, chính xác đúng bản chất của từng loại than sản xuất;
- Khi giao nộp sản phẩm với các đơn vị ngoài Công ty phải đảm bảo đúng chủng loại, đúng các tiêu chuẩn mà Công ty đã đăng ký với cơ quan đo lường, giám định chất lượng. Không bán sản phẩm sai tiêu chuẩn mà đã đăng ký hoặc ghi trong trong hợp đồng đã được ký kết;
- Cùng với các đơn vị sản xuất than, phòng ĐKSX, KTKT đề ra các biện pháp kịp thời về công tác chất lượng than, như: Dọn phẩm chất, pha trộn than, sàng tuyển, chế biến... để đạt được hiệu quả cao về chất lượng than thương phẩm;

Phòng Y tế (YT):

Phòng YT thực hiện chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty về theo dõi, khám, chữa bệnh và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho CBCNV.

Phòng Thanh tra - Kiểm toán (TTr-KT):

Phòng TTr-KT tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty trong lĩnh vực thanh tra, kiểm toán nội bộ.

Phòng Kỹ thuật An toàn (KTAT):

Phòng KTAT tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc Công ty quản lý tổng hợp công tác an toàn, bảo hộ lao động, bao gồm những nhiệm vụ chính sau:

- Lập kế hoạch an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc trong ngành nghề sản xuất công tác quý, năm, dài hạn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Công ty nhằm sản xuất kinh doanh, hoạt động của Công ty đảm bảo an toàn, đúng chế độ chính sách và pháp luật của Nhà nước;
- Kiểm tra đôn đốc, theo dõi các công trường, phân xưởng trong Công ty về chấp hành thực hiện kế hoạch an toàn bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc, đề xuất và giám sát thực hiện các biện pháp đề phòng tai nạn lao động, sự cố thiết bị để sản xuất, hoạt động của Công ty luôn luôn đảm bảo an toàn;





- Quản lý hệ thống giám sát viên an toàn, cùng Công đoàn quản lý hệ thống an toàn, vệ sinh viên;
- Chủ trì với các phòng ban kỹ thuật biên soạn mới hoặc bổ sung các quy trình, quy phạm về kỹ thuật an toàn, phương pháp làm việc an toàn ở các ngành nghề của Công ty;
- Thẩm định về kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện lao động đối với các công trình sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, các công trình xây dựng mới hoặc sửa chữa lại... yêu cầu các bộ môn thiết kế kỹ thuật giải thích và thực hiện đúng hệ số an toàn, quy định bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, môi sinh của công trình, dự án.

Phòng Tổng hợp Công bố thông tin:

Phòng Tổng hợp Công bố thông tin có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch, chương trình công tác trong lĩnh vực tổng hợp và công bố thông tin theo từng thời kỳ (tháng, quý, năm) về các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT và giám đốc trong lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển Công ty trong từng thời kỳ;
- Theo dõi, tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, công tác nghiệp vụ, kỹ thuật, các dự án trung và dài hạn, đồng thời cùng tham gia các dự án của Công ty có liên quan đến đối tác nước ngoài theo đúng thông lệ quốc tế và báo cáo HĐQT, Giám đốc Công ty kịp thời khi có phát sinh trong quá trình thực hiện;
- Tham gia dịch thuật các tài liệu nước ngoài về kỹ thuật, nghiệp vụ phục vụ cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Công bố thông tin hoặc cung cấp tài liệu có liên quan theo Luật Chứng khoán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã quy định;
- Thực hiện các công việc khác khi HĐQT và Giám đốc giao.

Phân xưởng đời sống:

Phân xưởng đời sống có nhiệm vụ:

- Mua lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác phục vụ CNVC trong Công ty ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật cho công nhân làm các công việc nặng nhọc, độc hại... đảm bảo dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Mở sổ sách theo dõi xuất, nhập, tồn hàng tháng, quý, năm;
- Phối hợp với các phòng ban kiểm tra nếp sống văn minh tại các nhà ăn trên công trường.





Đội thống kê:

- Cập nhật, theo dõi sản lượng than, đất của các đơn vị trong Công ty;
- Tổ chức cập nhật khai thác, vận chuyển than, đất, giờ hoạt động, năng suất...đối với các thiết bị xe, máy hoạt động trên khai trường Công ty;
- Hàng ngày cùng các phòng ban chức năng, các đơn vị tham gia sản xuất đối chiếu sản lượng của từng thiết bị, xe máy;
- Báo cáo Giám đốc về sản lượng thực hiện của các đơn vị thực hiện trong ngày, tuần, kỳ tác nghiệp, tháng ...;
- Tổ chức quản lý, lưu giữ chứng từ cập nhật thống kê về tình hình sản xuất của Công ty trong năm theo chức năng được giao.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông tại ngày 31/05/2008

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/05/2008

Tên	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	0106000574	226 Lê Duẩn, Quận Đống Đa, Hà Nội	5.100.000	51,00%
Asia Value Investment	565916	Phòng 1703, lầu 17, tòa Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Tp. Hồ Chí Minh	1.000.000	10,00%
Tổng cộng			6.100.000	61,00%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV)





5.2. Danh sách Cổ đông Sáng lập

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, do ông Lê Đình Trường đại diện nắm giữ phần vốn	Số 226 Lê Duẩn, Quận Đống Đa, Hà Nội	5.100.000	51,0000%
2	Nguyễn Xuân Lập	Tổ 39, phường Cẩm Sơn, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	826	0,0083%
3	Mai Huy Giáp	Tổ 46, phường Cẩm Sơn, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	913	0,0091%

Nguồn: Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

5.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/05/2008

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tổng giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổ chức	6.808.100	68.081.000.000	68,081%
	- Tổ chức trong nước	5.240.000	52.400.000.000	52,400%
	- Tổ chức nước ngoài	1.568.100	15.681.000.000	15,681%
2	Cá nhân	3.191.900	31.919.000.000	31,919%
	- Cá nhân trong nước	3.184.400	31.844.000.000	31,844%
	• Cán bộ công nhân viên	2.688.765	26.887.650.000	26,888%
	• Cổ đông ngoài công ty	495.635	4.956.350.000	4,956%
	- Cá nhân nước ngoài	7.500	75.000.000	0,075%
	Tổng cộng	10.000.000	100.000.000.000	100,000%

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV





- 6. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, những Công ty mà Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.**

6.1. Công ty mẹ:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Địa chỉ: Số 226 Lê Duẩn, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số điện thoại: (84-4)5.180.141 Fax: (84-4)5.180.742

Số chứng nhận ĐKKD: 0106000574 cấp lại ngày 28 tháng 11 năm 2007 (cấp lần 1 ngày 19 tháng 12 năm 1994) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Số cổ phần nắm giữ: 5.100.000 (năm triệu, một trăm nghìn) cổ phần, chiếm tỷ lệ 51% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV.

6.2. Công ty con và Công ty liên kết

Không có

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm của Công ty

Sản phẩm chủ yếu của Công ty là Than Antraxit (Anthracite) có chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN - 1790:1999 phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân và xuất khẩu. Sản phẩm than của Công ty đã được giải thưởng Chất lượng khải hoàn môn Châu Âu năm 1997 do Ban tổ chức chất lượng thế giới có trụ sở tại Madrid cấp, giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2004 và cúp vàng thương hiệu năm 2005.

7.1.1 Các nhóm sản phẩm của Công ty





BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Loại than	Mã sản phẩm	Cỡ hạt (mm)	Tỷ lệ dưới cỡ khi giao nhận đầu, không lớn hơn (%)	Độ tro khô A ^k (%)		Độ ẩm toàn phần W ^{tp} (%)		Chất bốc V ^k %	Lưu huỳnh chung khô S ^k _c %		Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô Q ^k gr (Cal/g)
				Trung bình	Giới hạn	Trung bình	Không lớn hơn	Trung bình	Trung bình	Không lớn hơn	Không nhỏ hơn
Than cục xô											
Cục xô 1A	MVX 01A	25 - 250	20	10,50	8,01 ÷ 13,00	4,5	6,0	6,0	0,6	0,8	7.200
Cục xô 1B	MVX 01B	25 - 250	20	15,00	13,01 ÷ 17,00	4,5	6,0	6,0	0,6	0,8	6.800
Cục xô 1C	MVX 01C	25 - 250	20	19,50	17,01 ÷ 22,00	4,5	6,0	6,0	0,6	0,8	6.600
Cục 2a HG	HG 02 A	50 -100	20	7,00	6,00 ÷ 8,00	3,0	4,0	6,0	0,6	0,8	7.800
Cục 2b HG	HG 02 B	50 - 100	20	9,00	8,01 - 10,00	3,5	5,5	6,0	0,6	0,8	7.650
Cục 3 HG	HG 03 B	33 - 50	15	4,00	3,01 - 5,00	3,0	4,0	6,0	0,6	0,8	8.100
Cục 4a HG	HG 04 A	15 - 35	15	5,00	4,01 - 6,00	3,5	4,5	6,0	0,6	0,8	8.000
Cục 4b HG	HG 04 B	15 - 35	15	9,00	6,01 - 12, 00	3,5	5,5	6,0	0,6	0,8	7.450
Cục 5a HG	HG 05 A	6 - 18	15	6,00	5,00 - 7,00	3,5	5,0	6,0	0,6	0,8	7.900
Cục 5b HG	HG 05 B	6 - 18	15	10,00	7,01 - 12,00	4,0	6,0	6,0	0,6	0,8	7.450



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Loại than	Mã sản phẩm	Cỡ hạt (mm)	Tỷ lệ dưới cỡ khi giao nhận đầu, không lớn hơn (%)	Độ tro khô A ^k (%)		Độ ẩm toàn phần W ^{tp} (%)		Chất bốc V ^k %	Lưu huỳnh chung khô S ^k _c %		Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô Q ^k gr (Cal/g)
				Trung bình	Giới hạn	Trung bình	Không lớn hơn	Trung bình	Trung bình	Không lớn hơn	Không nhỏ hơn
Than cục đơn											
Cục đơn 6A	MVX 02A	15 - 50	15	18.00	16,01 ÷ 20,00	5.5	7.0	6.0	0.6	0.8	6,600
Cục đơn 6A	MVX 02A	15 - 50	15	18.00	16,01 ÷ 20,00	5.5	7.0	6.0	0.6	0.8	6,600
Cục đơn 6B	MVD 02B	15 - 50	15	23.00	20,01 ÷ 26,00	5.5	7.0	6.0	0.6	0.8	5,900
Cục đơn 7C	MVD 03C	15 - 100	20	47.50	45,01 ÷ 50,00	6.0	8.0	6.0	0.6	0.8	3,800
Cục đơn 8A	MVD 04A	15 - 100	20	52.50	50,01 ÷ 55,00	6.0	8.0	6.0	0.6	0.8	3,100
Cục đơn 8B	MVD 04B	15 - 100	20	57.50	55,01 ÷ 60,00	6.0	8.0	6.0	0.6	0.8	2,650
Than Cám											
Cám 7A	MV 05A	0 - 20	15	47.50	45,01 ÷ 50,00	9.0	13.0	6.5	0.6	0.8	3,800
Cám 7B	MV 05B	0 - 20	15	52.50	50,01 ÷ 55,00	9.0	13.0	6.5	0.6	0.8	3,100
Cám 7C	MV 05C	0 - 20	15	57.50	55,01 ÷ 60,00	9.0	13.0	6.5	0.6	0.8	2,650

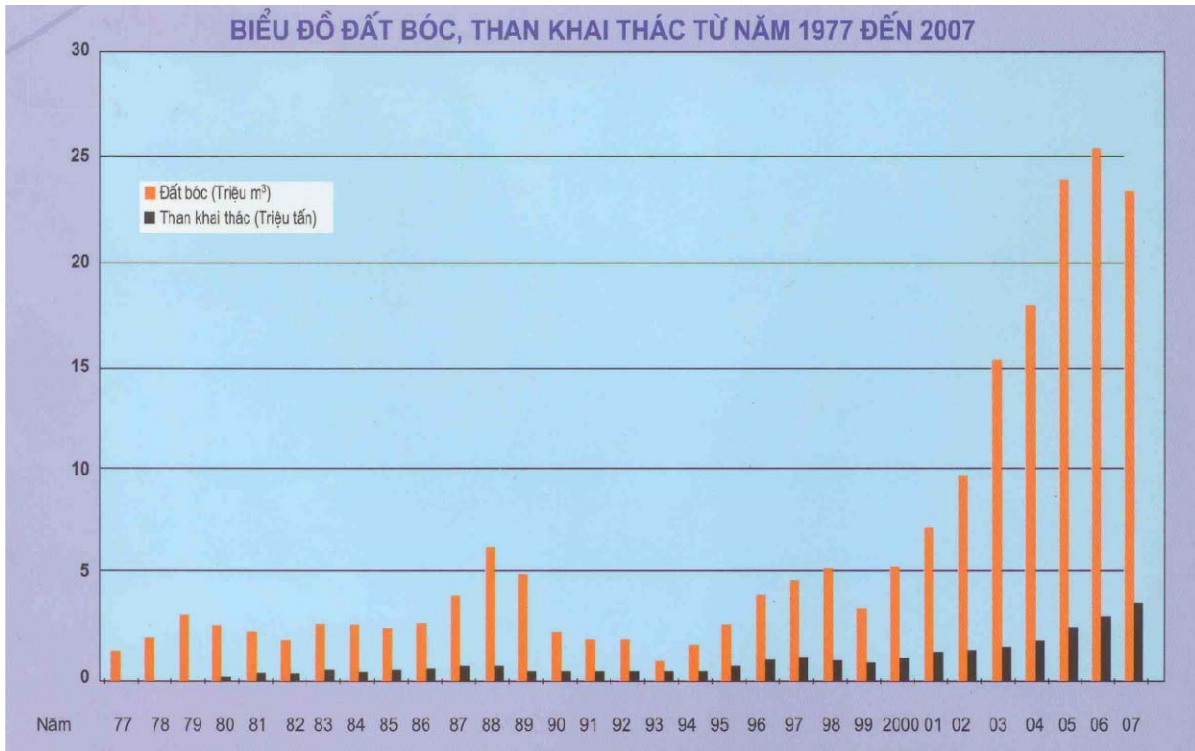


BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Loại than	Mã sản phẩm	Cỡ hạt (mm)	Tỷ lệ dưới cỡ khi giao nhận đầu, không lớn hơn (%)	Độ tro khô A ^k (%)		Độ ẩm toàn phần W ^{tp} (%)		Chất bốc V ^k %	Lưu huỳnh chung khô S ^k %		Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô Q ^{kgr} (Cal/g)
				Trung bình	Giới hạn	Trung bình	Không lớn hơn	Trung bình	Trung bình	Không lớn hơn	Không nhỏ hơn
Cám 1 HG	HG 060	0 - 15	-	7,0	6,00 - 8,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	7.800
Cám 2 HG	HG 070	0 - 15	-	9,0	8,01 - 10,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	7.600
Cám 3a HG	HG 08A	0 - 15	-	11,5	10,01 - 13,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	7.350
Cám 3b HG	HG 08B	0 - 15	-	14,0	13,01 - 15,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	7.050
Cám 3c HG	HG 08C	0 - 15	-	16,5	15,01 - 18,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	6.850
Cám 4a HG	HG 09A	0 - 15	-	20,0	18,01 - 22,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	6.500
Cám 4b HG	HG 09B	0 - 15	-	24,0	22,01 - 26,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	6.050
Cám 5 HG	HG 100	0 - 15	-	30,0	26,01 - 33,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	5.500
Cám 6a HG	HG 11A	0 - 15	-	36,0	33,01 - 40,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	4.850
Cám 6b HG	HG 11B	0 - 15	-	42,0	40,01 - 45,00	8,0	12,0	6,5	0,6	0,8	4.400

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV



Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

7.1.2 Cơ cấu Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm 2006, năm 2007 và quý I năm 2008

Cơ cấu doanh thu theo hoạt động qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

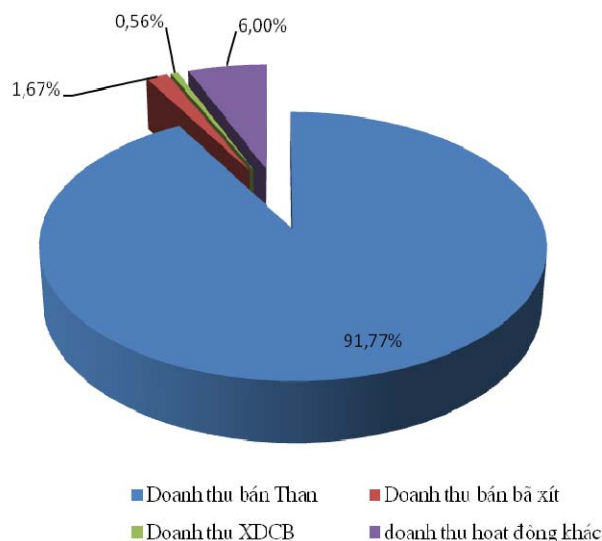
Hoạt động	Năm 2006		Năm 2007		Quý I/2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động bán Than	1.186.097	91,77%	1.342.120	97,27%	382.397	97,15%
Hoạt động bán bã xít	21.582	1,67%	20.670	1,50%	5.200	1,32%
Hoạt động XDCB	7.251	0,56%	1.045	0,08%	0	0,00%
Hoạt động khác	77.497	6,00%	15.896	1,15%	6.011	1,53%
Tổng cộng	1.292.427	100,00%	1.397.731	100,00%	393.608	100,00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn -TKV

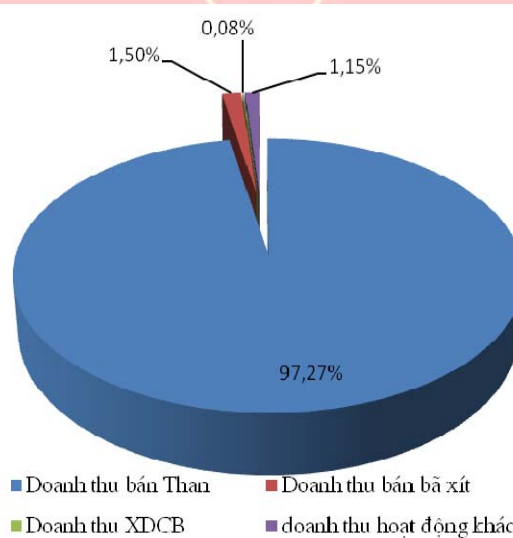




Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo hoạt động năm 2006



Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo hoạt động năm 2007



Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào việc khai thác than. Do đó, doanh thu bán than chiếm tỷ lệ gần như tuyệt đối trong cơ cấu doanh thu của Công ty (trên 90% Tổng doanh thu). Bên cạnh đó, Công ty luôn tận thu than thông qua hoạt động bán bã xít. Doanh thu từ hoạt động bán bã xít 2 năm 2006, 2007 đạt tỷ lệ 1,67% và 1,50% trên Tổng doanh thu. Bằng cách này, Công ty đã tạo thêm được một nguồn thu đáng kể đồng thời giảm thiểu được sự lãng phí trong quá trình khai thác và tiêu thụ than.



Cơ cấu lợi nhuận qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2006		Năm 2007		Quý I/2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động bán Than	-2.698	-78,50%	24.206	74,44%	-4.277	-99,28%
Hoạt động bán bã xít	3.396	98,79%	3.253	10,00%	4.743	110,10%
Hoạt động XD CB	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Hoạt động khác	2.740	79,71%	5.059	15,56%	3.842	89,18%
Tổng cộng	3.438	100.00%	32.518	100,00%	4.308	100,00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Do Chi phí hoạt động tài chính được cộng toàn bộ vào chi phí cho hoạt động bán than nên tùy vào từng thời kỳ mà hoạt động bán than sẽ có lợi nhuận âm. Tuy nhiên, Tổng cộng lợi nhuận từ hoạt động bán than và hoạt động bán bã xít, Công ty luôn thu được lợi nhuận dương.

Hoạt động xây dựng cơ bản là các công trình phục hồi thiết bị và xây dựng những công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh của công ty do Công ty tự thực hiện, không tính lợi nhuận cho hoạt động này. Do đó hoạt động này có doanh thu bằng chi phí.

7.2. Nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành khai thác than, cung cấp nguyên nhiên vật liệu cho các ngành công nghiệp khác, bởi vậy nguyên liệu Công ty sử dụng trong quá trình sản xuất chủ yếu là dầu phục vụ cho việc vận hành máy móc và các thiết bị phụ trợ cho máy móc thiết bị của Công ty. Việc biến động giá dầu trên thị trường thế giới cũng như những thay đổi của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho ngành này, tất yếu sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của Công ty, từ đó tác động lên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





7.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

Đơn vị: đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2006		Năm 2007		Quý I năm 2008	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
Giá vốn hàng bán	1.049.059.439.705	81,14%	1.106.945.809.416	80,18%	335.540.037.344	85,23%
Chi phí tài chính	33.200.799.884	4,58%	37.091.303.554	6,57%	11.865.712.606	7,77%
Chi phí bán hàng	59.189.054.277	5,63%	90.706.986.978	7,36%	9.138.781.769	2,32%
Chi phí quản lý DN	72.783.305.581	2,57%	101.632.929.253	2,69%	30.584.488.470	3,01%
Chi phí khác	74.757.315.256	5,78%	10.836.223.098	0,78%	2.169.514.665	0,55%

Nguồn: Số liệu BCTC kiểm toán năm 2007 và BCTC quyết toán quý I năm 2008

Sự biến động của chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng giữa 2 năm 2006 và 2007 chủ yếu là do:

- Lương của CBNV tăng dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng: năm 2007 chi lương nhân viên bán hàng tăng từ 16,64 tỷ đồng năm 2006 lên 20,05 tỷ đồng (tăng khoảng 3,41 tỷ đồng), chi phí lương nhân viên quản lý năm 2007 cũng tăng lên 19,96 tỷ đồng từ 16,38 tỷ đồng của năm 2006 (tăng khoảng 3,58 tỷ đồng);
- Cảng công ty phải di chuyển từ Cẩm Phả vào Mông Dương dẫn đến cung độ vận chuyển than tiêu thụ từ các cụm sàng của Công ty xuống cảng mới lớn hơn cung độ xuống cảng cũ 2 km. Điều này làm gia tăng chi phí dịch vụ thuê ngoài (bao gồm: chi phí rời cảng, thuê đất, thuê vận chuyển than tiêu thụ....) trong năm 2007 lên mức 27,05 tỷ đồng, tăng khoảng 11,67 tỷ đồng so với năm 2006 (15,38 tỷ đồng);
- Các khoản chi cho thuế, phí và lệ phí cũng tăng đáng kể: chỉ tính riêng khoản thuế, phí và lệ phí phải nộp trong năm, năm 2007 chi phí này đã tăng gần 21 tỷ đồng so với năm 2006 (tăng từ 31,88 tỷ đồng lên 53,47 tỷ đồng).





Tuy nhiên, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tăng về số liệu tuyệt đối và không có biến động nhiều về mặt tỷ trọng tính trên Tổng Doanh thu (bao gồm Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ + doanh thu hoạt động tài chính + thu nhập khác). Nhìn chung, sự biến động của hai khoản chi phí này là phù hợp với sự gia tăng của Tổng doanh thu của Công ty.

Để kiểm soát chi phí, tiến tới giảm thiểu chi phí trong sản xuất kinh doanh, Công ty đã đề ra những giải pháp sau:

❖ **Giải pháp về công nghệ:**

Áp dụng công nghệ thích hợp cho từng mô hình sản xuất nhằm tăng ít nhất 5% năng suất lao động, giảm chi phí :

- Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị xe ô-tô trọng tải lớn đồng bộ với máy xúc, xon hiện nay Công ty vẫn còn sử dụng ô-tô Belaz sản xuất từ năm 1990 tham gia sản xuất năm 2008 – 2010 chạy ở những nơi có chiều cao nâng tải thấp, chở nước tưới đường, vận chuyển than công nghệ để tận dụng năng lực sản xuất;
- Đối với các thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài Công ty hiện đang sử dụng thì công tác sửa chữa chủ yếu phụ thuộc vào vật tư nhập khẩu từ chính hãng sản xuất. Trong thời gian vừa qua Công ty có phối hợp với một số nhà máy trong nước để gia công chế tạo một số chi tiết các chi tiết phân găm như: Các loại bi chao, rô tuyn, ốc quy, pít tông và xi lanh giảm sóc, các bánh răng, ốc truyền động sau xe CAT773E, HD, trục dẫn động hộp số xe VOLVO, phục hồi một số bơm thủy lực và cầu sau xe,... Đồng thời thay thế những vật tư hãng khác sản xuất vẫn đảm bảo chất lượng nhưng giá rẻ hơn như phin lọc, mã phanh, dây cu doa các loại....;

Phương hướng trong thời gian tới Công ty tích cực đẩy mạnh tìm vật tư trong nước sản xuất được nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sửa chữa nhằm hạ giá chi phí sửa chữa đồng thời chủ động hạn chế phụ thuộc nhập khẩu;

- Áp dụng các thiết bị hỗ trợ biến tần vào hệ thống thiết bị điện và áp dụng công nghệ NANO để tiết kiệm nhiên liệu: Công ty đã đưa vào kế hoạch đầu tư XDCB năm 2008 lắp đặt biến tần tại các cụm sàng và máng ga và áp dụng công nghệ NANO để tiết kiệm nhiên liệu khi có kết luận của TKV về lĩnh vực này;
- Bê tông hoá toàn bộ nền các kho than, tiến tới xây dựng các kho than kín để chống giảm phẩm cấp than thành phẩm: Công ty đã lập kế hoạch đầu tư XDCB năm 2008 làm nhà kho chứa than tại Cảng Công ty, còn bê tông hoá nền kho than đưa vào các năm sau.

❖ **Giải pháp về tổ chức và điều hành kế hoạch:**

- Điều hành sản xuất, tiêu thụ than hợp lý với tỷ lệ sản lượng các quý với tỉ lệ sản lượng như hướng dẫn số: 462/CV- SXT ngày 30/11/2007 của TKV. Công ty đã lập kế hoạch sản





xuất tiêu thụ than năm 2008 theo tháng, quý và cả năm số: 6737 / KCS, TĐ ĐC, KTKT, KH>SP ngày 08/12/2007 gửi phòng sản xuất than tại Trung tâm điều hành sản xuất than tại Quảng ninh;

- Công ty đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo tồn kho hợp lý các loại than tốt để chủ động khi thị trường yêu cầu.

7.4. Trình độ công nghệ

7.4.1 Máy móc thiết bị

Danh sách một số máy móc thiết bị tiêu biểu của Công ty

STT	Tên máy	Mã hiệu	SL (cái)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại	Hãng sản xuất
I	Xe VC đất		120				
		HD465-5	04		2002	40%	
1	Xe 55T	HD465-7	15	Nhật Bản	2006	80%	Komatsu
			15		2007	90%	
2	Xe 91T	HD785-5	04	Nhật bản	2005	60%	Komatsu
3	Xe 91T	HD785-7	05	Nhật bản	2007	95%	Komatsu
			04		2002	40%	Caterpillar
4	Xe 58T	CAT773E	08	Hoa kỳ	2003	50%	Caterpillar
			04		2004	60%	Caterpillar
			15		2005	70%	Caterpillar
5	Xe 36,5T	HM400-2R	05	Nhật bản	2007	95%	Komatsu
II	Xe VC than		41				
1	Xe 32T	VOLVOA35D	10	Thụy điển	2006	80%	Volvo
2	Xe 20T	Kamaz 6520	10	Nga	2006	80%	Kamaz
3	Xe 10T	Kapaz 256B1	7	Ukraine	2002	30%	Kapaz





STT	Tên máy	Mã hiệu	SL (cái)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại	Hãng sản xuất
4	Xe 10T	Kapaz 6510	10	Ukraine	2001	30%	Kapaz
III	Xe san gạt		29				
1	Xe gạt	D155	8	Nhật bản	2004	70%	Komatsu
		D8R	1	Hoa kỳ	2005	70%	Caterpillar
2	Xe san gạt	G780B	2	Thụy điển	2005	70%	Volvo

Ghi chú: Chất lượng còn lại được đánh giá theo chất lượng kỹ thuật còn sử dụng của xe.

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Mặc dù điều kiện khai thác của Công ty ngày càng xuống sâu, bãi thải ngày càng nâng cao, chiều cao nâng tải của ô tô tăng nhanh (năm 2007 là ~180m, dự kiến năm 2008 là >200m), đất đá có độ cứng cao (F11-13), nhưng qua số liệu do Tập đoàn TKV cung cấp (các báo cáo năng suất thiết bị hàng năm của các loại xe ô tô cùng loại đang sử dụng tại các đơn vị trong Tập đoàn TKV) cho thấy các thiết bị cùng chủng loại hoạt động tại khai trường Công ty thường đạt hiệu quả và năng suất đạt loại khá trong Tập đoàn TKV.



Một số hình ảnh tiêu biểu về máy móc thiết bị của Công ty



Máy xúc thủy lực gầu ngược



Xe vận chuyển đất Komatsu HD 785-7



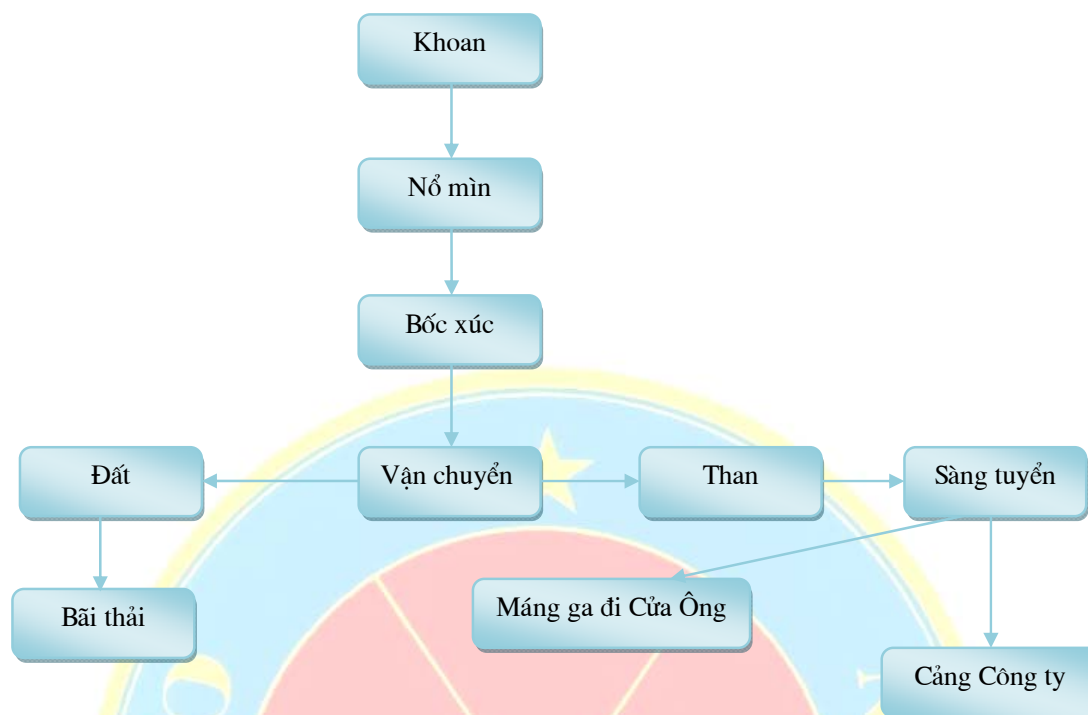
Xe san gạt G780B



Xe vận chuyển than VOLVOA35D

7.4.2 Quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm

Hiện nay, sản phẩm than các loại của Công ty được sản xuất theo dây chuyền công nghệ cơ giới hóa 100% với các thiết bị hiện đại của các hãng sản xuất tiên tiến trên thế giới, như hãng Komatsu, Caterpillar, Volvo, Kawasaki.... có tính an toàn cao, đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao điều kiện cho người sử dụng thiết bị. Quy trình công nghệ được tiến hành theo sơ đồ sau:



Khoan nổ mìn làm tơi đất đá:

Công nghệ khoan nổ mìn do 02 loại máy khoan thực hiện: Máy khoan **СБШ** có đường kính lỗ khoan $d = 250$ mm; Máy khoan **TAMROCK - C100** đường kính lỗ khoan $d = 110$ mm. Sau khi khoan xong, các lỗ khoan được nhồi thuốc nổ do Công ty Vật liệu nổ thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, hoặc các công ty sản xuất của Bộ quốc phòng cung cấp để bắn tơi đất đá.

Công nghệ xúc bốc:

Công tác xúc bốc đất đá do các thiết bị: Máy xúc **ЭКГ**, dung tích gầu $V = 4,6$ m³; Máy xúc **ЭКГ** dung tích gầu $V = 5$ m³; Máy xúc **ЭКГ 8Й** dung tích gầu $V = 8$ m³; Máy xúc thủy lực gầu ngược **Komatsu PC-180** dung tích gầu $V = 12$ m³ thực hiện bốc xúc lên các ô tô vận tải cỡ lớn từ 17 đến 58 tấn đổ ra bãi thải;

Công tác làm phẩm chất và khai thác than do các thiết bị: máy xúc thủy lực gầu ngược; **PC-750** có dung tích gầu $V = 2,8$ m³; Máy xúc thủy lực gầu ngược **Caterpillar CAT - 365** có dung tích gầu $V = 3,1$ m³; Máy gặt **Komatsu D85; D155** thực hiện. Các máy xúc công nghệ xúc than lên cá xe vận tải có trọng tải 12 đến 27 tấn trở về các cụm sàng chế biến ra các chủng loại than theo yêu cầu của thị trường tiêu thụ.

Công nghệ vận tải:

Đất đá được các thiết bị vận tải đại xa vận chuyển từ khu vực khai trường ra bãi thải, các thiết bị bao gồm: Ô tô **Belaz** có tải trọng 27 - 40 tấn của Nga; Ô tô **HD-464** có trọng tải 55 tấn do



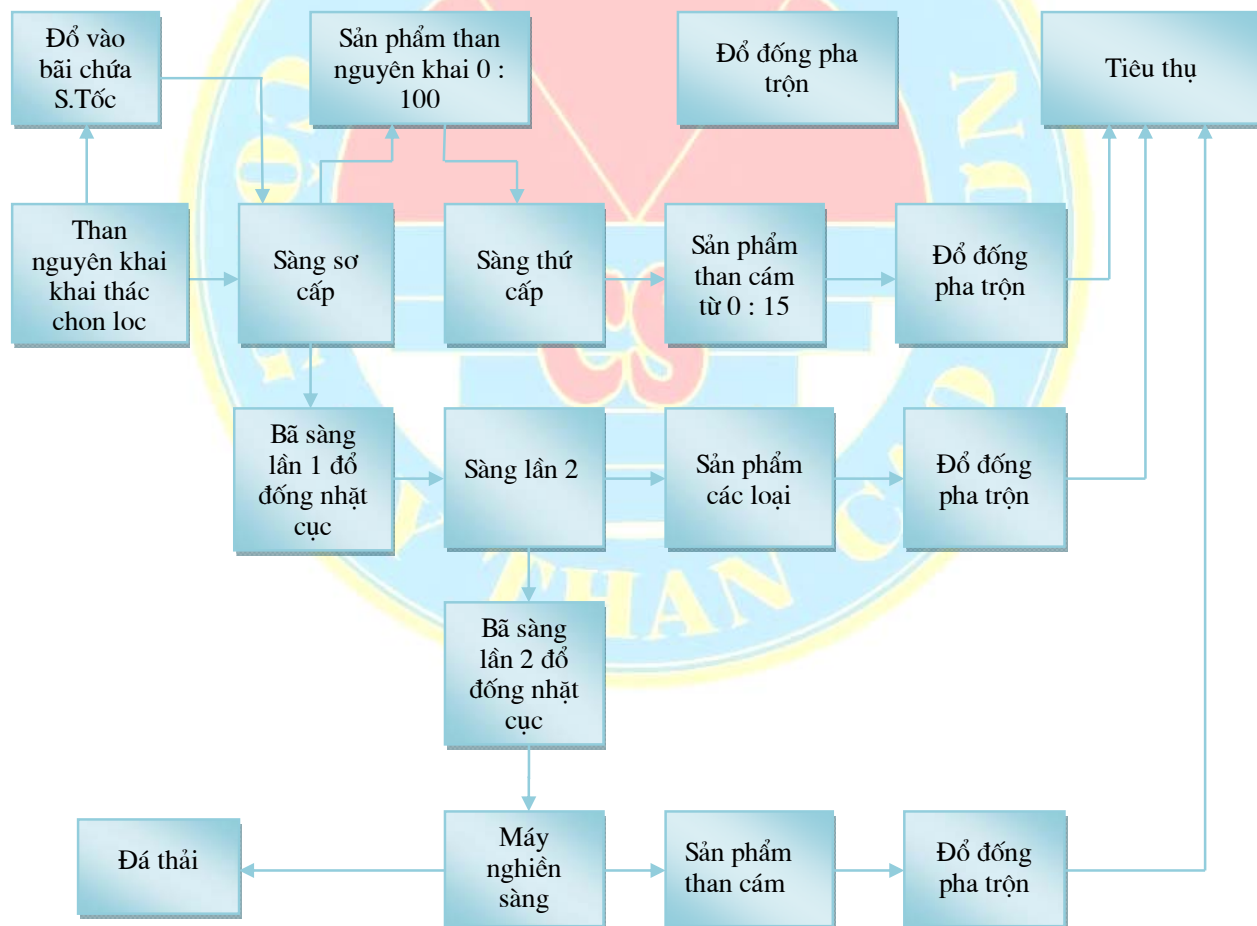
hãng Komatsu của Nhật Bản sản xuất; ô tô CAT 773E có trọng tải 58 tấn do hãng Caterpillar của Mỹ sản xuất;

Than khai thác từ vỉa, một phần được các thiết bị vận tải trung xa và một số thiết bị vận tải đại xa chuyên dùng vận chuyển trực tiếp về từ khu vực máng ga sau đó rót xuống đầu kéo cho Công ty tuyển than Cửa Ông. Phần còn lại được vận chuyển về 03 cụm sàng rung công suất lớn để nghiền sàng ra các sản phẩm có chất lượng cao.

Công nghệ sàng tuyển:

Công tác sàng tuyển được thực hiện bởi 03 cụm sàng rung công suất lớn SR-850. Than sau sàng được máy xúc lật Volvo và Kawasaki xúc lên thiết bị vận tải sau đó một phần được chuyển đi tiêu thụ tại cảng mỏ, phần khác được chuyển lại máng ga bán cho Công ty Cổ phần Tuyển than Cửa Ông - TKV dùng cho xuất khẩu.

Sơ đồ công nghệ sàng than hệ thống sàng 1

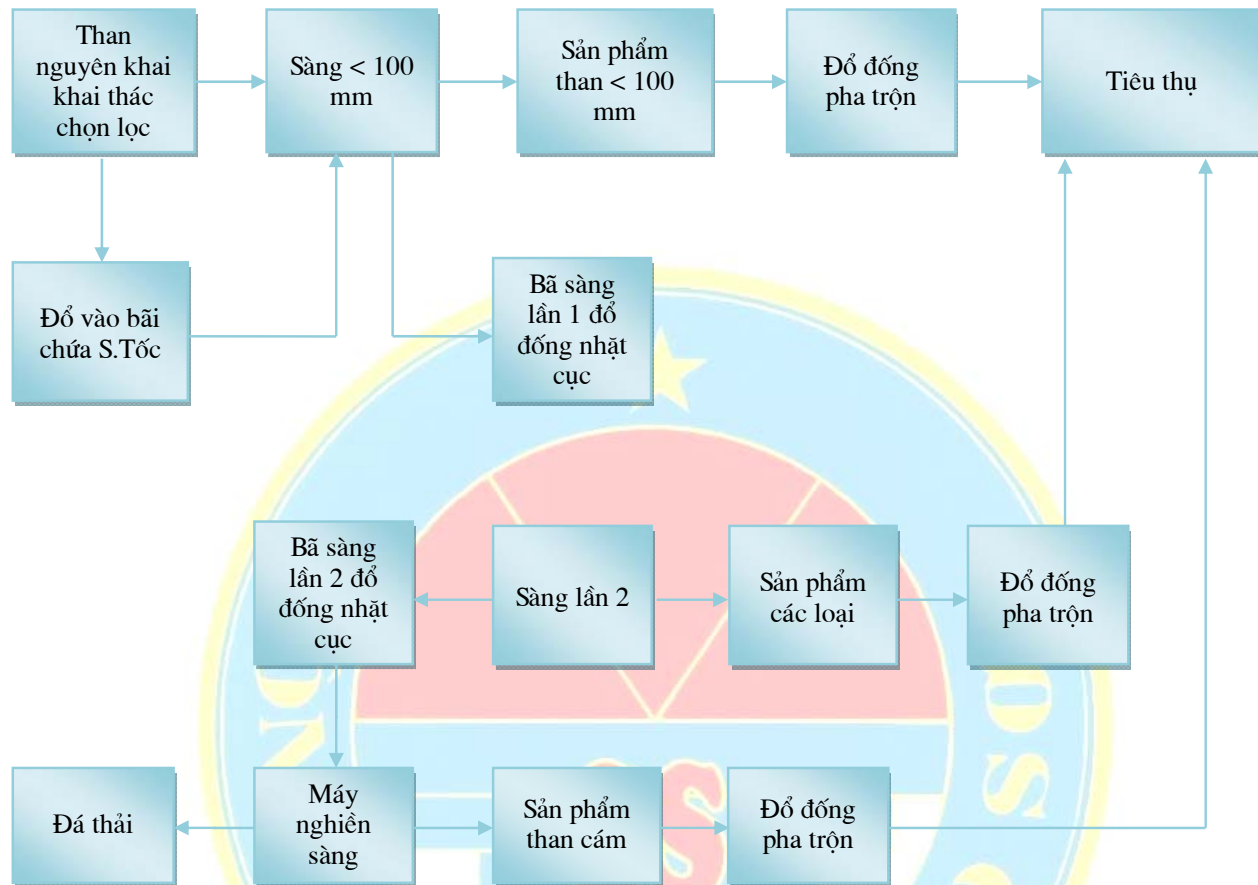


Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV





Sơ đồ công nghệ sàng than hệ thống sàng 2, sàng 3



Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

7.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Ngành than có đặc thù là chất lượng của than phụ thuộc vào địa chất của khu vực khai thác. Do đó, việc khai thác và vận hành quá trình sản xuất không tác động được vào chất lượng khai thác than về mặt bản chất. Nhiệm vụ của phòng KCS của Công ty là kiểm tra và giám định chất lượng của lượng khai thác trước khi giao cho khách hàng nhằm đảm bảo quy cách phẩm chất của sản phẩm phù hợp với quy định trong hợp đồng đã được ký kết.

7.6. Hoạt động Marketing

Công ty là đơn vị sản xuất và tiêu thụ than: bán than cho Công ty Cổ phần Tuyển than Cửa Ông - TKV và bán than tại cảng Công ty (gồm có: bán than cho các hộ xi măng, điện, giấy; xuất khẩu than, bán than cho hộ lẻ). Các thị trường trên đều do Tập đoàn TKV trực tiếp ký hợp đồng, Công ty giao than theo kế hoạch do Tập đoàn TKV ấn định và Tập đoàn TKV thanh toán lại tiền bán than theo từng kỳ cho Công ty nên việc tiếp thị nghiên cứu thị trường Công ty không phải thực hiện.





7.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty:



Ý nghĩa logo của Công ty: Hình tròn, viền màu vàng, phía trong có 2 vòng tròn. Vòng tròn ngoài màu xanh nước biển thẫm, có chữ CÔNG TY THAN CAO SƠN màu vàng ở nửa bên dưới, Ngôi sao vàng 5 cánh thể hiện Công ty Than Cao Sơn là một điểm sáng. Vòng tròn trong được chia 2 nửa đều nhau. Nửa trên được chia đều 3 phần cân đối, viền vàng cách điệu ngọn lửa truyền thống công nhân vùng mỏ thể hiện sự đồng tâm, đoàn kết. Nửa hình tròn phía dưới có chữ cái CS màu đỏ viền vàng, nằm giữa 5 vạch lớn màu xanh nước biển thẫm có viền vàng theo hình bậc thang xung quanh màu xanh da trời nhạt thể hiện công nghệ khai thác moong, bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững.

Logo của Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Bản quyền tác giả số 779/2003/QTG ngày 22/08/2003 và đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và công nghệ Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu hàng hóa số 89311.

7.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty sẽ tiến hành khai thác, quản lý và giao nộp lại sản phẩm cho Tập đoàn theo quy định. Việc ký kết hợp đồng cung cấp than với các khách hàng sẽ do Tập đoàn trực tiếp đứng ra ký kết, Công ty có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng đó theo sự chỉ định của Tập đoàn.

Hàng năm, Công ty tiến hành ký kết hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển trong năm với Tập đoàn.

Các chỉ tiêu khai thác theo hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển năm 2008

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2008
1	Quản trị tài nguyên		
	Bóc đất đá lộ thiên	1.000 m ³	24.609
	Tỷ lệ tổn thất tài nguyên khai thác	%	7,4
	Tỷ lệ thu hồi than sạch từ nguyên khai	%	90,00
2	Sản phẩm chủ yếu		
2.1	Than nguyên khai	1.000 T	3.300



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2008
	Than lộ thiên	1.000 T	3.200
	Than tận thu, khai thác lại	1.000 T	100
2.2	Than sạch sàng tại mỏ	1.000 T	1.045
	<i>Than sạch từ nguyên khai</i>	1.000 T	945
	<i>Than sạch tận thu</i>	1.000 T	100
2.3	Than tiêu thụ (giao cho Tập đoàn)	1.000 T	3.155
	<i>a. Than giao xuất khẩu</i>	1.000 T	300
	<i>b. Trong nước</i>	1.000 T	605
	- Than giao 4 hộ lớn	1.000 T	
	o Hộ điện	1.000 T	140
	o Hộ Đạm	1.000 T	0
	o Hộ Giấy	1.000 T	70
	o Hộ Xi măng	1.000 T	340
	- Hộ tiêu thụ khác	1.000 T	55
	<i>c. Than giao cho các Công ty tuyển than</i>	1.000 T	2.250
	o Than nguyên khai	1.000 T	2.150
	o Than sạch	1.000 T	100
3	Doanh thu tổng số (chưa có thuế GTGT)	Tr. đồng	1.415.201
	Doanh thu sản xuất than	Tr. đồng	1.411.701
	Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	Tr. đồng	3.500
4	Lợi nhuận	Tr. đồng	53.864



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2008
5	Giá thành, giá bán		
	Giá bán bình quân than quy sạch	đồng/tấn	498.394
	Giá thành bình quân than quy sạch	đồng/tấn	479.378

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006 và 2007 và quý I năm 2008

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007		Quý I năm 2008
		Giá trị	% tăng giảm so với năm '06	
Tổng giá trị tài sản	762.035.720.340	763.084.012.400	0,14%	857.773.102.618
Doanh thu thuần	1.214.929.988.781	1.363.835.571.970	12,26%	387.596.519.515
Lợi nhuận từ HĐSXKD	1.101.124.894	28.250.796.790	2.465,63%	568.049.851
Lợi nhuận khác	2.740.179.513	5.059.518.643	84,64%	3.841.747.752
Lợi nhuận trước thuế	3.841.304.407	33.310.315.433	767,16%	4.409.797.603
Lợi nhuận sau thuế	2.508.885.258	33.310.315.433	1.227,69%	4.409.797.603
Tỷ lệ chi trả cổ tức/Vốn điều lệ (%)	-	12%	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, BCTC quyết toán quý I năm 2008

*** Ghi chú:** Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 02/01/2007, theo quy định Công ty được miễn 100% thuế TNDN 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được miễn 50% số thuế phải nộp trong vòng 3 năm tiếp theo. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007.





Lợi nhuận trước thuế năm 2007 tăng 767,16% so với Lợi nhuận trước thuế năm 2006 (tăng từ 3.841.304.407 đồng lên 33.310.315.433). Sự biến động lớn này là do tình hình sản xuất kinh doanh năm 2006 gặp nhiều bất lợi. Năm 2006 có biến động về địa chất khác so với kết quả thăm dò trước đó, chất lượng vỉa than không đúng như dự tính nên tỷ trọng Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần ở mức cao 86,35% (con số này năm 2007 là 81,16%). Sang năm 2007, chất lượng than ổn định mang lại kết quả hoạt động khả quan hơn, cụ thể: tốc độ tăng doanh thu của năm 2007 so với năm 2006 là 12,26% trong khi tốc độ tăng giá vốn của năm 2007 so với năm 2006 chỉ dừng ở 5,52%. Bên cạnh đó, các yếu tố chi phí khác như chi phí bán hàng và chi phí quản lý ... đều được Công ty kiểm soát ở mức độ hợp lý.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Than Cao Sơn - TKV trong năm 2007 và quý I năm 2008:

❖ Thuận lợi:

- Hệ thống văn bản pháp luật: Sự ổn định chính trị và môi trường kinh tế vĩ mô ngày càng được hoàn thiện, nhiều văn bản Luật được Quốc hội thông qua Luật đấu thầu, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí ... tạo điều kiện thông thoáng và tạo ra môi trường bình đẳng cho các doanh nghiệp kinh doanh;
- Diễn biến thị trường trong nước và thế giới: Do sản xuất công nghiệp vẫn duy trì phát triển nên nhu cầu dùng than của ngành Xi măng, ngành điện ... đòi hỏi lớn, thị trường tiêu thụ than trên thế giới tăng mạnh về số lượng về giá cả đây là động lực cho ngành than phát triển;
- Sự chủ động trong công tác sản xuất: để đảm bảo kế hoạch tiêu thụ doanh thu của Tập đoàn TKV giao, Công ty tích cực đẩy mạnh tiêu thụ, do sản xuất hợp lý theo mùa, nên Công ty chuẩn bị đủ nguồn than đáp ứng yêu cầu tiêu thụ than theo kế hoạch điều hành của Tập đoàn TKV;
- Sự cạnh tranh trong ngành: Các hoạt động cũng như chỉ tiêu đặt ra đối với các công ty thành viên trong Tập đoàn đều do Tập đoàn hoạch định và hướng dẫn thực hiện. Đồng thời việc tìm kiếm đối tác, khách hàng tiêu thụ và ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cũng do Tập đoàn TKV thực hiện, các công ty thành viên theo chỉ định sẽ thực hiện việc cung cấp sản phẩm. Do đó, các công ty thành viên không phải tính đến khâu tiêu thụ cũng như giá cả sản phẩm nên cạnh tranh giữa các công ty trong ngành là không có. Điều này tạo môi trường hoạt động lành mạnh nhất định đối với bản thân Công ty cũng như với các đơn vị khác trong cùng Tập đoàn TKV. Mặt khác, với đặc thù nêu trên, Công ty không mất những chi phí như: chi phí tiếp thị, marketing, quảng bá thương hiệu Những chi phí này đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế nói chung là không nhỏ.
- Sự chính xác trong thăm dò địa chất: Năm 2007, Công ty đã tiến hành thăm dò địa chất chính xác, chất lượng than khai thác có giá trị thương phẩm cao, chủ yếu là than cám 3a,





3b,3c và 4a, than cục. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh công tác tận thu than và bán bã xít nhằm tăng doanh thu trong năm.

❖ **Khó khăn:**

- Thị trường có nhiều biến động: giá xăng dầu, điện, xi măng, sắt thép ... và các chi phí đầu vào khác như vật tư phụ tùng, xăm lốp ô tô...tăng cao nên đã tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Ngoài ra do năng lực xe máy của Công ty chưa đáp ứng với kế hoạch nên Công ty phải thuê ngoài bốc đất xúc than việc thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị không kịp đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất của Công ty;
- Do việc khai thác than xuống sâu hơn so với những năm trước nên việc xử lý nước trong moong cũng làm phát sinh một khoản chi phí nhất định.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ **Triển vọng phát triển của ngành:**

Hiện nay, than cũng như những khoáng sản khác đang ngày càng trở nên khan hiếm. Với việc giá dầu mỏ liên tục đạt mức đỉnh trong thời gian vừa qua, dự báo giá than thế giới sẽ tăng mạnh trong thời gian tới. Đồng thời, những nước xuất khẩu than lớn như Indonexia, Australia ... sẽ hạn chế lượng than xuất khẩu do sản lượng khai thác đang ngày một thấp dần⁴.

Ngành than được xác định là một trong những ngành kinh tế trọng điểm của cả nước. Nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng với tốc độ cao, kéo theo nhu cầu về nguyên nhiên liệu cũng tăng cao. Tính riêng nhu cầu than của ngành điện cho thấy, trong thời gian tới, khi các nhà máy thủy điện chưa thể đáp ứng được nhu cầu điện của nền kinh tế, đồng thời các nhà máy nhiệt điện như Hà Tĩnh, Nghi Sơn, Đồng bằng sông Cửu Long đi vào hoạt động, lượng cầu về than sẽ tăng lên đột biến. Hơn nữa, các ngành sản xuất giấy, xi măng, phân bón - những ngành tiêu thụ than chính - cũng đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ, nên nhu cầu về than chắc chắn sẽ tăng mạnh.

Như vậy, nhu cầu về than của nền kinh tế thế giới nói chung và lượng cầu than của các ngành kinh tế chủ chốt trong nước nói riêng khẳng định tiềm năng phát triển của ngành than Việt Nam.

Tuy nhiên, điều kiện khai thác của khoáng sản than Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Với hơn 6 tỷ tấn than đã phát hiện thì khả năng khai thác chỉ là 2,5 tỷ tấn. Theo tính toán, 2,5 tỷ tấn này chỉ đủ cung cấp cho khoảng 37 năm tới với tốc độ tăng sản lượng khai thác 12%/năm như hiện nay. Khu vực Quảng Ninh là nơi tập trung khoảng 67% trữ lượng than toàn quốc và cũng có khả năng khai thác lớn nhất. Tuy nhiên, sau 100 năm đi vào hoạt động, khu mỏ than Quảng Ninh đã bắt đầu có dấu hiệu cạn kiệt. Do đó, vấn đề đặt ra cho ngành

⁴ <http://tinchungkhoan24h.com/News/Dau-HangHoa/12860/>





than là phải tăng cường công tác thăm dò, tìm kiếm và khai thác có hiệu quả nguồn than.

Công nghệ khai thác hiện nay của ngành than Việt nam chủ yếu là khai thác lộ thiên và hầm lò. Trong đó, phương thức khai thác lộ thiên chiếm tỷ trọng chủ yếu (60% - 65%) với những ưu điểm về chi phí đầu tư, điều kiện sản xuất và giá thành sản xuất so với than hầm lò.

❖ **Chiến lược phát triển ngành:**

Đánh giá được tầm quan trọng của ngành than trong sự phát triển kinh tế đất nước, Bộ Công thương đã xây dựng Chiến lược phát triển ngành, dựa trên 6 quan điểm phát triển⁵:

- Thứ nhất: Khai thác, chế biến, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên than trong nước; kết hợp với xuất nhập khẩu hợp lý trên cơ sở giảm dần và tiến đến không xuất khẩu than; đáp ứng tối đa nhu cầu than trong nước phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Thứ hai: Phát triển ngành than bền vững, hiệu quả theo hướng đồng bộ, cân đối với phát triển chung của các ngành kinh tế khác.
- Thứ ba: áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong thăm dò, khai thác, sàng tuyển, chế biến và sử dụng than.
- Thứ tư: Tích cực đầu tư thăm dò ra nước ngoài, khai thác nhanh nguồn tài nguyên than nước ngoài để bổ sung cho sự thiếu hụt từ khai thác trong nước.
- Thứ năm: Từng bước hình thành thị trường than cạnh tranh, hội nhập với khu vực và thế giới, đa dạng hoá phương thức đầu tư và kinh doanh trong ngành than.
- Thứ sáu: Phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, an ninh quốc phòng vùng than, đặc biệt là vùng than Quảng Ninh.

❖ **Vị thế của công ty:**

Về trữ lượng: Trữ lượng than của Cao sơn còn lại đến 1-1-2008 là 62 triệu tấn tính đáy mỏ -175 mét. Mỏ than Cao Sơn được đánh giá là một trong những mỏ than lộ thiên lớn nhất cả nước. Ước tính mỏ than này sẽ khai thác được trong vòng 70 năm nữa, trong khi các mỏ than lộ thiên khác trong cùng khu vực than Quảng Ninh thời gian khai thác còn lại chỉ đạt khoảng trong vòng 30 năm. Tuy nhiên, Mỏ than Cao Sơn cũng được đánh giá là một trong những mỏ có điều kiện khai thác khó khăn nhất so với những mỏ khai thác lộ thiên trong cùng vùng than Quảng Ninh về điều kiện địa chất phức tạp, độ cứng đất đá cao f bình quân ≥ 12

Về cải tiến công nghệ: Ý thức được những mặt mạnh và những khó khăn của mình, Công ty đã xác định công tác cải tiến công nghệ là mũi nhọn trong việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong những năm gần đây, Công ty luôn được đánh giá là đơn vị đi

⁵ <http://tinchungkhoan24h.com/News/Dau-HangHoa/12860/>





đầu trong ngành than về phát triển và cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất lao động. Việc đầu tư thiết bị, cải tiến công nghệ của Công ty tập trung vào những khâu công nghệ chính có tính đột phá, trên cơ sở phát huy tiềm năng của trang thiết bị hiện có, từng bước hiện đại hóa dây chuyền công nghệ khai thác mỏ. Những khâu công nghệ được tập trung đầu tư đổi mới bao gồm: Đầu tư máy xúc thủy lực gầu ngược chạy bằng Diesel, sử dụng vào việc khai thác chọn lọc nhằm tiết kiệm tài nguyên, nâng hệ số thu hồi than và phẩm cấp than, đào sâu đáy mỏ; đầu tư ô tô vận chuyển có trọng tải lớn 55-58 tấn và 90-100 tấn; đầu tư thiết bị xúc bốc công nghệ trong chế biến than.

Nhờ đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, những năm vừa qua, Công ty đã phát huy được hiệu quả, nâng cao năng suất, góp phần xứng đáng vào sự ổn định và phát triển của ngành than, đạt kỷ lục dẫn đầu toàn ngành than về bốc xúc đất đá 18 triệu m³/năm (năm 2004), máy xúc ЭКГ 8H đạt năng suất bốc xúc 1.250.000 m³/năm, xe ô tô HD 465-5 trọng tải 55 tấn năng suất 2.319.600 Tkm/năm, xe ô tô CAT 773E trọng tải 58 tấn đạt năng suất 2.353.100 Tkm/năm.

Về chất lượng than: tỷ trọng than cám 3,4,5 chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng than của Công ty nên các khách hàng như Công ty Tuyển than Cửa Ông, các hộ xi măng, điện, giấy luôn coi Công ty là bạn hàng có thị phần lớn hơn các doanh nghiệp khác trong khu vực Cẩm Phả.

Về nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực của Công ty được xác định là có chất lượng cao, bao gồm các cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, một số công nhân vận hành các thiết bị có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong sản xuất. Hàng năm, Công ty tuyển dụng công nhân kỹ thuật và kỹ sư chuyên ngành đã được đào tạo tại các trường chính quy của Nhà nước và của ngành nhưng phải tốt nghiệp loại khá, giỏi. Đồng thời, Công ty còn tổ chức mở các lớp bồi dưỡng tại Công ty và các trường bồi dưỡng của Tập Đoàn và của Bộ mở để CBCNV nâng cao tay nghề, trình độ quản lý phù hợp với tình hình sản xuất trong giai đoạn hiện nay.

❖ **Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên Thế giới:**

Với tư cách là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và hoạt động trong một ngành nhạy cảm như ngành than, mọi hoạt động của Công ty đều theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của tập đoàn cũng như những chính sách phát triển ngành của Nhà nước. Tuy nhiên, Công ty cũng đã chủ động tìm con đường đi cũng như hướng phát triển của mình phù hợp và nằm trong khuôn khổ những quy định do Tập đoàn TKV đề ra. Trong đó phải kể đến công tác cải tiến công nghệ khai thác than, công tác bảo vệ môi trường và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Ngoài việc chú trọng phát triển công nghệ khai thác như đã nêu ở trên, Công ty còn tập trung vào công tác bảo vệ môi trường cũng như xây dựng một môi trường làm việc tốt cho cán bộ công nhân viên. Với những nỗ lực của mình, Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng giải thưởng môi trường năm 2004. Thực hiện tốt 3 công tác trên tạo cho Công ty nền tảng vững chắc để phát triển trong tương lai.





10. Chính sách đối với người lao động

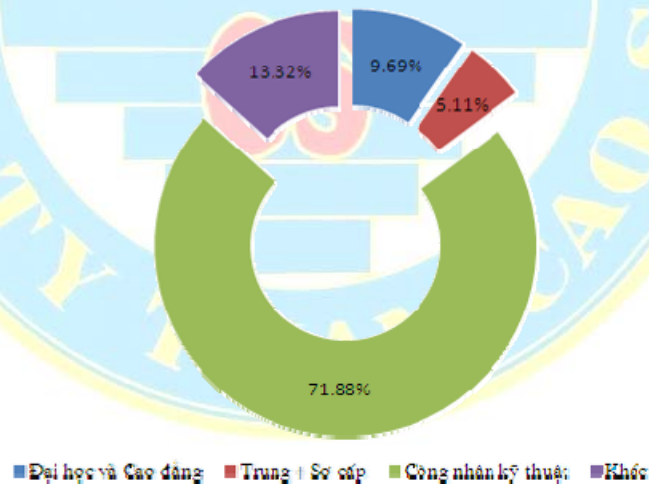
10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Cơ cấu lao động theo trình độ tại thời điểm 31/03/2008

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và Cao Đẳng	341	9,69%
2	Trung + Sơ cấp	180	5,11%
3	Công nhân kỹ thuật	2.530	71,88%
4	Khác	469	13,32%
Tổng cộng		3.520	100,00%

(Nguồn: Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV)

Biểu đồ Cơ cấu lao động theo trình độ tại thời điểm 31/03/2008





Cơ cấu lao động theo giới tính tại thời điểm 31/03/2008

STT	Giới tính	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Lao động nam	2.483	70,54%
2	Lao động nữ	1.037	29,46%
	Tổng cộng	3.520	100,00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

10.2. Chính sách đào tạo

Công ty đã thực hiện các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ, nâng cao tay nghề của nhân viên kỹ thuật thuộc các phòng ban để tiếp cận công nghệ sản xuất hiện đại phục vụ cho nhu cầu sản xuất hiện nay của Công ty; kinh phí đào tạo được lấy từ hai nguồn :

- ❖ Nguồn do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam chi;
- ❖ Nguồn do Công ty chi theo kế hoạch đào tạo hàng năm.

Chi phí đào tạo và nâng cao tay nghề cho CBCNV hàng năm của Công ty lên đến 400 triệu đồng/năm.

Bên cạnh đó Công ty đã xây dựng chiến lược nâng cao tay nghề cho người lao động một cách cụ thể như sau:

Ngành nghề	Nhu cầu đào tạo (người)			
	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Vận hành máy khoan	49	50	52	55
Vận hành máy xúc điện	52	70	75	80
Vận hành máy xúc thủy lực	30	30	35	35
Lái xe ÔTô	189	190	200	200
Vận hành máy gạt	17	20	20	25
Vận hành bơm nước	-	10	15	15





Ngành nghề	Nhu cầu đào tạo (người)			
	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Vận hành băng sàng	06	10	10	15
Thợ S/C Ô Tô	98	90	95	100
Thợ S/C Điện máy mỏ	38	40	40	42
Thợ S/C Cơ máy mỏ	21	25	30	35
Tổng cộng	514	535	572	602

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

11. Chính sách lương thưởng, trợ cấp

11.1. Phân phối tiền lương trong nội bộ đơn vị khối công trường sản phẩm

Trên cơ sở quỹ lương được Công ty thanh toán, căn cứ điều kiện sản xuất, tính chất công việc đơn vị phân phối tiền lương cho người lao động theo các hình thức sau:

❖ Trả lương trực tiếp theo sản phẩm:

Hình thức này được áp dụng trong trường hợp cá nhân người lao động thực hiện hoàn thành khối lượng, chất lượng công việc, sản phẩm giao nộp cho Công ty:

$$\text{Tiền lương sản phẩm} = \frac{\text{Đơn giá tiền lương sản phẩm công việc}}{\text{Số lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành}} \times \text{Tỷ lệ thanh toán}$$

❖ Trả lương theo hình thức bình công chấm điểm

Hình thức này áp dụng cho tổ, nhóm người lao động cùng làm một sản phẩm công việc. Tập thể người lao động cuối ca sản xuất bình xét chấm điểm cho các thành viên trong tổ làm cơ sở trả lương cho từng người.

$$\text{Thu nhập tiền lương cá nhân} = \frac{\text{Tổng quỹ lương của tổ sản xuất}}{\text{Tổng điểm của các thành viên}} \times \text{Tổng điểm cá nhân}$$

❖ Phân phối theo hệ số lương và hệ số thanh toán

Phân phối theo hệ số lương và thành tích đóng góp của từng người được tiến hành 2 bước:

- Xác định điểm lương cá nhân:





Điểm lương cá nhân = [Hệ số lương bản thân + Chỉ số phụ cấp] x Ngày công đi làm x Hệ số thành tích

- Hàng tháng căn cứ thành tích đóng góp của công nhân viên chức, các đơn vị tổ chức phân loại thành tích A, B, C từ các tổ sản xuất để làm cơ sở chia lương cho từng người.

Các đơn vị khi lựa chọn thực hiện phương án nào phải báo cáo Giám đốc đồng ý và được thực hiện ít nhất trong 3 tháng, chỉ được áp dụng một trong các phương án trên trong đơn vị không đồng thời áp dụng nhiều phương án.

11.2. Phân phối tiền lương trong nội bộ đơn vị khối phòng ban và đoàn thể

Quỹ lương tháng trả cho bộ phận này được chia làm 02 phần:

- ❖ Phân lương chế độ, trả theo hệ số lương chuyên môn nghiệp vụ và phụ cấp (nếu có) theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ;
- ❖ Phân lương khoán (phần còn lại của quỹ lương sau khi trừ đi phần lương chế độ) trả theo chức danh, nhóm chức danh theo cấp bậc công việc và hệ số khuyến khích;
- ❖ Mức giảm thu nhập thực hiện theo quy định của Tập đoàn TKV và Nhà nước hoặc của HĐQT Công ty phê duyệt.

11.3. Chế độ thưởng

Nguồn tiền thưởng từ quỹ lương của Công ty dùng để thưởng tập thể, người lao động trong Công ty hoàn thành tác nghiệp tháng, quý, năm kế hoạch, giải quyết việc khó, việc trọng tâm ...:

- ❖ Tập thể: không quá 10.000.000 đồng/lần;
- ❖ Cá nhân: không quá 1.000.000 đồng/lần.

Trường hợp đặc biệt, thưởng hoàn thành kế hoạch năm do Giám đốc Công ty thống nhất với công đoàn Công ty giải quyết, nhưng mức thưởng không quá 10.000.000 đồng/lần.

12. Chính sách cổ tức

Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 02/01/2007. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên họp ngày 22/03/2008, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2007 là 12% trên vốn điều lệ. Công ty có chính sách đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm giữ ổn định ở mức 12% trên vốn điều lệ.

13. Tình hình hoạt động tài chính

13.1 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

- ❖ **Trích khấu hao Tài sản cố định:**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.





Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải 05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng 04 - 05 năm

❖ **Mức lương bình quân**

Lương bình quân của CBCNV qua các năm như sau:

- Năm 2006: 3.889.000 đồng/người/tháng
- Năm 2007: 4.585.000 đồng/người/tháng

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thực hiện thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định.

Bảng kê các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2006	31/12/2007	31/03/2008
Thuế GTGT	0	2.276.622	659.893.904
Thuế tài nguyên	4.819.392.830	971.133.601	4.298.243.715
Tiền thuê đất	299.801.758	961.604.938	36.123.475
Thuế thu nhập cá nhân	357.140.650	214.217.530	1.376.460.113
Phí môi trường	2.463.390.000	746.184.000	2.639.844.000
Tổng cộng	7.939.725.238	2.895.416.691	9.010.565.207

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV



❖ **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Việc trích lập các quỹ được thực hiện dựa trên các căn cứ sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ;
- Kế hoạch sản xuất trong thời gian tới;
- Hướng dẫn về việc trích lập các quỹ của Tập đoàn;
- Điều lệ Công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Số dư các quỹ trong năm 2006, năm 2007 và quý I năm 2008

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/03/2008
Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	-	1.333.624.580	1.333.624.580
Quỹ đầu tư phát triển	-	10.639.483.943	10.639.483.943
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.345.880.719	16.391.608.637	16.391.608.637

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, Báo cáo quyết toán quý I năm 2008

Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm tài chính 2007 đã thông qua việc trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 10,640 tỷ đồng, trong đó 6,638 tỷ đồng là Thuế TNDN được miễn chuyển sang;
- Quỹ dự phòng bổ sung Vốn điều lệ: 1,333 tỷ đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 9,037 tỷ đồng.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Tại thời điểm 31/12/2007

- Vay và nợ ngắn hạn: 87.760.028.681 đồng
- Vay và nợ dài hạn: 134.722.588.813 đồng
- Tổng cộng: 222.482.617.494 đồng

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



Bảng kê chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2007

TT	Ngân hàng cho vay	Số HĐ vay	Ký ngày	Dư nợ tại 31/12/2007 (đồng)	Thời hạn (tháng)	Lãi suất vay (%/tháng)
I	Ngân hàng Công thương Cẩm Phả			41.595.310.525		
01	Đầu tư mua 10 xe ô tô tự đổ trọng tải 20 tấn	302/2006/000221	28/04/06	1.200.000.000	72	0,95
02	Xây dựng bãi chứa chế biến tiêu thụ than	302/2006/001009	12/12/06	2.104.000.000	60	0,95
03	Xây dựng công trình cụm sàng than số 3	302/20060001069	25/12/06	1.000.000.000	60	0,95
04	Cải tạo nâng cấp trạm bơm moong Tây Bắc Cao Sơn	302/2007/0000791	08/07/07	420.000.000	60	0,95
05	Vay để chi lương	302/2007/560	21/12/07	3.428.200.000	03	0,92
06	Vay để trả khách hàng	302/2007/560	28/12/07	31.443.110.525	3	0,85
07	Vay để trả khách hàng	302/2007/560	31/12/2007	2.000.000.000	3	0,85
II	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cẩm Phả			6.399.104.000		
01	Đầu tư 7 xe ô tô tự đổ trọng tải 58 tấn	2/2002	06/09/02	5.600.000.000	60	1
02	Mua máy gặt bánh xích công suất 338 HP	1/2004	27/04/04	640.000.000	60	1
03	Đầu tư 28 xe ô tô trung xa trọng tải 12-	01/2001	03/02/01	81.384.000	84	1



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



TT	Ngân hàng cho vay	Số HĐ vay	Ký ngày	Dư nợ tại 31/12/2007 (đồng)	Thời hạn (tháng)	Lãi suất vay (%/tháng)
	15 tấn					
04	Đầu tư Xe cần cẩu 25 tấn	-	-	77.720.000	-	1
III	Ngân hàng EXIMBANK Hà Nội			8.800.000.000		
01	Mua 8 xe ô tô trọng tải 58 tấn	1HĐ/2003	08/04/03	8.800.000.000	60	0,83
IV	Công ty cho thuê tài chính - NH Công Thương Việt Nam			7.496.640.000		
01	Đầu tư mua 7 xe ô tô tự đổ	03/HĐ/82/2006	05/09/06	7.496.640.000	48	1
V	Công ty cho thuê tài chính NH Ngoại Thương Việt Nam			9.548.974.156		
	Đầu tư mua 8 xe ô tô tự đổ	21.06.08	27/10/06	9.548.974.156	48	1
VI	Ngân hàng SHB			1.200.000.000		
01	Đầu tư xe cần cẩu thủy lực bánh lốp TADANO, 55 tấn	38/SHB-QN	04/10/07	1.200.000.000	72	0,90
VII	Công ty TNHH MTV Tài chính Than khoáng sản Việt Nam			12.720.000.000		
01	Đầu tư 5 xe ô tô tự đổ HD 785-7		29/11/07	12.720.000.000	72	0,92
	Tổng cộng			87.760028681		

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



Bảng kê chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2007

TT	Ngân hàng cho vay	Số HĐ vay	Ký ngày	Dư nợ tại 31/12/2007 (đồng)	Thời hạn (năm)	Lãi suất vay (%/tháng)
I	Ngân hàng Công thương Cẩm Phả			14.203.000.000		
01	Đầu tư mua 10 xe ô tô tự đổ trọng tải 20 tấn	302/2006/000221	28/04/06	3.000.000.000	06	0,95
02	Xây dựng bãi chứa chế biến tiêu thụ than	302/2006/001009	12/12/06	4.818.000.000	05	0,95
03	Xây dựng kho dầu Khai trường Đông Cao Sơn	302/2006/0001031	15/12/06	1.260.000.000	05	0,95
04	Xây dựng công trình cụm sàng than số 3	302/20060001069	25/12/06	3.000.000.000	05	0,95
05	Cải tạo nâng cấp trạm bơm moong Tây Bắc Cao Sơn	302/2007/0000791	08/07/07	2.125.000.000	05	0,95
II	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cẩm Phả			12.160.000.000		
01	Đầu tư 7 xe ô tô tự đổ trọng tải 58 tấn	2/2002	06/09/02	11.200.000.000	05	1
02	Mua máy gạt bánh xích công suất 338 HP	1/2004	27/04/04	960.000.000	05	1
III	Ngân hàng EXIMBANK Hà Nội			7.604.234.068		
01	Mua 8 xe ô tô trọng tải 58 tấn	1HĐ/2003	08/04/03	7.604.234.068	05	0,83
IV	Công ty cho thuê tài chính - NH Công			13.119.126.436		



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



TT	Ngân hàng cho vay	Số HĐ vay	Ký ngày	Dư nợ tại 31/12/2007 (đồng)	Thời hạn (năm)	Lãi suất vay (%/tháng)
Thương Việt Nam						
01	Đầu tư mua 7 xe ô tô tự đổ	03/HĐ/82/2006	05/09/06	13.119.126.436	04	1
V	Công ty cho thuê tài chính NH Ngoại Thương Việt Nam			19.097.948.309		
	Đầu tư mua 8 xe ô tô tự đổ	21.06.08	27/10/06	19.097.948.309	04	1
VI	Ngân hàng SHB			6.032.000.000		
01	Đầu tư xe cần cẩu thủy lực bánh lốp TADANO, 55 tấn	38/SHB-QN	04/10/07	6.032.000.000	06	0,90
VII	Công ty TNHH MTV Tài chính Than khoáng sản Việt Nam			62.506.280.000		
01	Đầu tư 5 xe ô tô tự đổ HD 785-7		29/11/07	62.506.280.000	06	0,92
Tổng cộng				134.722.588.813		

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Tại thời điểm 31/03/2008

- Vay và nợ ngắn hạn: 98.123.521.836 đồng
- Vay và nợ dài hạn: 143.043.588.813 đồng
- Tổng cộng: 241.167.110.649 đồng

Nguồn: BCTC quyết toán quý I năm 2008





❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng kê chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/03/2008
1	Phải thu từ khách hàng	127.791.410.584	41.727.333.784	92.402.688.183
2	Trả trước cho người bán	2.825.402.496	67.349.439.546	23.960.657.818
3	Phải thu khác	8.480.312.954*	5.787.863.790	6.198.859.733

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, BCTC quyết toán quý I năm 2008

***Ghi chú:**

Tại Bảng cân đối kế toán của BCTC kiểm toán năm 2006, số dư khoản **Phải thu khác** ở thời điểm 31/12/2006 là **8.795.680.147** đồng, lệch **315.467.193** đồng so với số dư khoản **Phải thu khác** ở thời điểm 01/01/2007 tại Bảng cân đối kế toán của BCTC kiểm toán năm 2007. Sự chênh lệch về số liệu giữa hai thời điểm trên là do: Tài khoản 141 - Tạm ứng của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 có số dư là **315.467.193** đồng, là số tiền tạm ứng cho CBCNV chưa thanh toán. Tại bảng cân đối kế toán của BCTC 2006, Công ty phản ánh số tiền này tại mục **Phải thu khác**. Tuy nhiên, sang năm 2007, để phù hợp với quy định về Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài Chính chấp thuận tại công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Công ty đã điều chỉnh số tiền trên ở **Tài sản ngắn hạn khác** trong Bảng cân đối kế toán của BCTC năm 2007.

❖ **Các khoản phải trả:**

Các khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hóa đơn mua hàng của bên mua. Các khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Bảng kê chi tiết các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/03/2008
1	Phải trả ngắn hạn cho người bán	44.430.346.766	47.589.047.029	58.863.063.957
2	Phải trả cho nhân viên	26.368.886.771	25.554.398.616	36.612.407.581



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



STT	Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/03/2008
3	Thuế và các khoản phải nộp NN:	7.939.725.238	2.895.416.691	9.010.565.207
	Phải trả nội bộ:	149.705.268.119	265.405.398.428	258.010.559.990
4	- Phải trả ngắn hạn nội bộ	4.735.217.840	26.513.408.840	19.364.839.402
	- Phải trả dài hạn nội bộ	144.970.050.279	238.891.989.588	238.645.720.588
5	Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	101.490.906.547	40.054.055.254	14.108.251.174

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, BCTC quyết toán quý I năm 2008

Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nên các khoản phải trả dài hạn nội bộ của Công ty đều là khoản vay dài hạn từ Tập đoàn.

Chi tiết các khoản vay dài hạn Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2007

TT	Mục đích vay	Ký ngày	Số tiền vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay (năm)
1	Dự án mua 10 xe CAT	21/04/05	33.927.753.062	6 tháng + 1,8%/năm	5
2	Dự án mua 10 xe khung động xe VOLVO	14/09/06	42.222.627.930	6 tháng + 1%/năm	5
3	Nhập khẩu thiết bị máy san gạt bánh lốp	02/03/05	2.245.260.304	6 tháng + 1%/năm	6
4	Thuê mua tài chính (15 xe HD)	11/09/06	32.137.791.216	6 tháng + 1%/năm	4
5	Dự án mua 4 xe ô tô tự đổ Komatsu HD 465-7	09/05/07	25.266.752.000	3 tháng + lãi biên 1,32%/năm	5
6	Dự án mua 11 xe ô tô tự đổ và 1 máy thủy lực Komatsu PC 750-7	16/08/07	83.288.379.623	3 tháng + lãi biên 1,32%/năm	5





TT	Mục đích vay	Ký ngày	Số tiền vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay (năm)
7	Dự án mua xe gạt bánh xích D155-2	16/10/07	9.488.183.039	3 tháng + lãi biên 1,32%/năm	5
8	Dự án mua máy xúc thủy lực Komatsu và TT 10% 2 xe gạt bánh xích	28/11/07	8.537.181.086	3 tháng + lãi biên 1,32%/năm	5
9	Dự án vay quỹ Môi trường TKV	05/01/06	2.778.061.328	-	5

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

13.2 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2007
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,78	0,72
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,47	0,46
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tài sản	lần	0,86	0,83
Hệ số Nợ/VCSH	lần	6,52	5,65
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,46	13,65
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,94	1,79
4. Tỷ suất sinh lời			
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	0,21	2,44





Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2007
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,40	4,37
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,35	27,87
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,09	2,07

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

14.1. Hội đồng quản trị

14.1.1. Lê Đình Trưởng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam
 Số CMTND: 100350697 Ngày cấp : 26/3/2004 Nơi cấp: CA Quảng Ninh
 Ngày tháng năm sinh: 18/10/1954
 Nơi sinh: Hoàng Các – Tiên tiến – Phù Cừ - Hưng Yên
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Hoàng Các – Tiên tiến – Phù Cừ - Hưng Yên
 Địa chỉ thường trú: Tổ 60A – Cẩm Trung - Cẩm Phả - Quảng Ninh
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 042117789
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác Mỏ
 Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 09/1979 – 11/1984: Cán bộ phòng Kỹ thuật sản xuất Mỏ Than Đèo Nai
- ❖ Tháng 12/1984 – 08/1987: Phó phòng Kỹ thuật sản xuất Mỏ Than Đèo Nai
- ❖ Tháng 09/1987 – 04/1994: Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất Mỏ Than đèo Nai
- ❖ Tháng 05/1994 – 05/1995: Phó Giám đốc Mỏ Than Đèo Nai
- ❖ Tháng 06/1995 – 11/1995: Trưởng phòng Kỹ Thuật Công ty Than Cẩm Phả
- ❖ Tháng 12/1995 – 03/1997: Phó Giám đốc Công ty Than Cẩm Phả
- ❖ Tháng 04/1997 – 01/1998: Phó Giám đốc Mỏ Than Cao Sơn



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



- ❖ Tháng 02/1998 – 01/2006: Giám đốc Công ty Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 02/2006 – nay: Ủy viên HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- ❖ Tháng 01/2007 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Than Cao Sơn - TKV

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty;

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Than Đèo Nai - TKV, Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công nghiệp hoá chất mỏ - TKV, Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Kính nổi Chu Lai - TKV, ủy viên HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Số cổ phần đang nắm giữ: **5.101.130 cổ phần**

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: **1.130 cổ phần**
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: **5.100.000 cổ phần**

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

14.1.2. Nguyễn Xuân Lập - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Giới tính: Nam

Số CMTND: 1009766981 Ngày cấp: 17/6/2005 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

Ngày tháng năm sinh: 25/11/1959

Nơi sinh: Hải triều – Tiên Lữ - Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải triều – Tiên Lữ - Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Tổ 39 – Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033 713 580

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ

Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 06/1986 – 01/1995: Cán bộ phòng Kỹ thuật khai thác – Mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 02/1995 – 09/1996: Phó phòng Kỹ thuật khai thác – Mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 10/1996 – 04/1997: Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật khai thác – Mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 05/1997 – 03/2002: Trưởng phòng Kỹ thuật khai thác – Mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 04/2002 – 05/2002: Trưởng ban Kế hoạch dài hạn Mỏ Than Cao Sơn



- ❖ Tháng 06/2002 – 08/2002: Trợ lý Giám đốc mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 09/2002 - 01/2006: Phó Giám đốc mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 02/2006 – 01/2007: Giám đốc Công ty Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 01/2007 - nay: Giám đốc CTCP Than Cao Sơn -TKV, ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ: **2.000 cổ phần**

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: **2.000 cổ phần**
- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

- Lê Ngọc Ánh (vợ): **400 cổ phần**

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

14.1.3. *Nghiêm Chí Minh - ủy viên HĐQT*

Giới tính: Nam

Số CMTND: 011850484 Ngày cấp: 31/05/2007 Nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh: 11/10/1974

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Số 18, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 936 4630

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Ngân hàng tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 10/1995 - 10/1998: cán bộ Tín dụng Ngân hàng Á Châu
- ❖ Tháng 10/1998 - 10/2000: Cán bộ Tài chính và Quản lý HTTTT tại Ngân hàng Tokyo - Mitsubishi (Nhật Bản)
- ❖ Tháng 10/2000 - 03/2001: Cán bộ quản lý Tài chính Ngân hàng ING Barings (Vương quốc Hà Lan)
- ❖ Tháng 03/2001 - 05/2001: Phụ trách quản trị VP.TV Asahi Bureau, Asahi National Broadcasting Co.,Ltd





- ❖ Tháng 05/2001 - 05/2002: Kế toán chính cao cấp Công ty OMV (Việt Nam Block 111) Exploration GmbH
- ❖ Tháng 06/2002 - 11/2002: Cán bộ Đầu tư tài chính Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
- ❖ Tháng 11/2002 - 10/2004: Cán bộ tín dụng Ngân hàng Liên doanh INDOVINA
- ❖ Tháng 11/2004 - 11/2005: Trưởng phòng Đầu tư tài chính CTCP Tài chính PT Doanh nghiệp
- ❖ Tháng 12/2005 - nay: Phó phòng quản lý Đầu tư, đại diện tại Hà Nội, Công ty TNHH Quản lý Tài sản Vinacapital
- ❖ Tháng 01/2007 - nay: ủy viên HĐQT CTCP Than Cao Sơn - TKV

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Chức vụ đang nắm giữ

tại tổ chức khác:

Phó phòng quản lý Đầu tư, đại diện tại Hà Nội, Công ty TNHH Quản lý Tài sản Vinacapital, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cồn rượu Hà Nội, Thành viên hiệp hội các nhà Đầu tư tài chính Việt Nam (VAFI).

Số cổ phần đang nắm giữ: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

14.1.4. Mai Huy Giáp - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Số CMTND: 100925052 Ngày cấp: 03/10/2003 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

Ngày tháng năm sinh: 15/8/1966

Nơi sinh: Vũ Sơn – Kiến Xương – Thái bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vũ Sơn – Kiến Xương – Thái bình

Địa chỉ thường trú: Tổ 46 – Cẩm Đông - Cẩm Phả - Quảng Ninh

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033 935 613

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện;

Quá trình công tác:

❖ Tháng 11/1984 – 08/1999: Công nhân kỹ thuật Mỏ Than Cao Sơn

❖ Tháng 09/1999 – 07/2004: Cán bộ phòng Cơ điện Mỏ Than Cao Sơn



- ❖ Tháng 08/2004 – 11/2004: Cán bộ phòng Xây dựng cơ bản Mỏ Than cao Sơn
- ❖ Tháng 12/2004 – 09/2005: Phó phòng Xây dựng cơ bản Mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 08/2005 – 12/2006: Phó phòng Xây dựng cơ bản Mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 01/2007 – Nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Chức vụ đang nắm giữ

tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ: **913 cổ phần**

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: **913 cổ phần**
- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: **0 cổ phần**

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

14.1.5. Phạm Đức Lâm - ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Số CMTND: 100824961 Ngày cấp: 08/5/2006 Nơi cấp : CA Quảng Ninh

Ngày tháng năm sinh: 30/10/1959

Nơi sinh: Đông Mỹ - Đông Lâm – Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đông Mỹ - Đông Lâm – Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Tổ 23 – Cẩm Thành - Cẩm Phả - Quảng Ninh

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033 862 588

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ điện; Kỹ sư kinh tế & Quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 09/1976 – 08/1978: Sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên
- ❖ Tháng 09/1978 – 05/1982: Bộ đội C1D26E
- ❖ Tháng 06/1982 – 08/1986: Sinh viên Trường đại học Công nghiệp Thái nguyên
- ❖ Tháng 09/1986 – 09/1989: Cán bộ Cơ điện Công trường Xúc Mỏ Than Đèo Nai
- ❖ Tháng 10/1989 – 05/1991: Đốc công, Công trường Xúc Mỏ Than Đèo Nai
- ❖ Tháng 06/1991 – 04/1999: Phó Quản đốc Công trường Xúc Mỏ Than Đèo Nai





- ❖ Tháng 05/1999 – 12/2001: Trưởng phòng Vật tư Mỏ Than Đèo Nai
- ❖ Tháng 01/2002 – 03/2007: Phó Giám đốc Công ty Than Đèo Nai
- ❖ Tháng 04/2007 – Nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV, ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ

tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV, ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

14.2. Ban Giám đốc

14.2.1. Nguyễn Xuân Lập - Giám đốc

(Như trên)

14.2.2. Phạm Đắc Lâm - Phó Giám đốc

(Như trên)

14.2.3. Đặng Văn Tùng - Phó Giám đốc

Giới tính: Nam

Số CMTND: 100447889 Ngày cấp: 24/7/2007 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

Ngày tháng năm sinh: 20/12/1964

Nơi sinh: Xã An Lộc – Huyện Can lộc – Tỉnh Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã An Lộc – Huyện Can lộc – Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Tổ 39 – Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033 935 832

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác Mỏ

Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 05/1985 – 04/1986: Công nhân phụ máy Khoan Mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 05/1986 – 04/1988: KTV Hộ chiếu nổ mìn
- ❖ Tháng 05/1988 – 02/1996: Đốc công mìn





- ❖ Tháng 03/1996 – 09/1996: Phó quản đốc Công trường mỏ
- ❖ Tháng 10/1996 – 10/2003: Phó phòng Kỹ thuật khai thác Mỏ Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 11/2003 – 08/2007: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Kinh doanh Than Cẩm Phả
- ❖ Tháng 09/2007 – Nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

14.2.4. Nguyễn Văn Sinh - Phó Giám đốc

Giới tính: Nam

Số CMND: 101.027.907 Ngày cấp: 04/5/2006 Nơi cấp: Quảng Ninh

Ngày tháng năm sinh: 28/ 02/1966

Nơi sinh: Đại kỳ- Nghĩa Châu- Nghĩa Hưng - Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đại kỳ - Nghĩa Châu - Nghĩa Hưng - Nam Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 115 - Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh

Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 033.864.490

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác

Quá trình công tác

- ❖ 10/1986 - 06/1988: Công nhân vận hành xúc CT Bàng nâu mỏ than Cao Sơn
- ❖ 07/1988 - 08/1989: Đốc công CT Bàng Nâu mỏ than Cao Sơn
- ❖ 09/1989 - 03/1998: Phó Quản đốc CT Bàng Nâu mỏ than Cao Sơn
- ❖ 04/1998 - 04/1999: Quyền Quản đốc CT Bàng Nâu mỏ than Cao Sơn
- ❖ 05/1999 - 03/2008: Quản đốc CT Bàng Nâu, KT4, KT1 mỏ than Cao Sơn
- ❖ 04/2008 - 06/2008: Trợ lý Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn-TKV
- ❖ 07/2008 - nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn-TKV

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần đang nắm giữ : **826 cổ phần**
Trong đó
• Sở hữu cá nhân: **826 cổ phần**
• Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : Không
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

14.2.5. Vương Văn Biên - Phó Giám đốc

Giới tính: Nam
Số CMND: 100.701.918 Ngày cấp: 08/08/1996 Nơi cấp: Quảng Ninh
Ngày tháng năm sinh: 10/03/1959
Nơi sinh: Đoàn Đào - Phù Tiên - Hưng Yên
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đoàn Đào - Phù Tiên - Hưng Yên
Địa chỉ thường trú: Tổ 30 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 033.862.210
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác Vận tải
Quá trình công tác
❖ 06/1980 - 05/1983: Công nhân sửa chữa ô tô mỏ than Đèo Nai
❖ 06/1983 - 02/1987: Công nhân sửa chữa ô tô XNVT Ôtô Cẩm Phả
❖ 03/1987 - 03/1990: Đội phó đội xe 5 XNVT Ôtô Cẩm Phả
❖ 04/1990 - 01/1999: Đội phó đội xe 5 mỏ than Cao Sơn
❖ 02/1999 - 10/1999: Quyền Quản đốc PXVT 3 mỏ than Cao Sơn
❖ 11/1999 - 06/2008: Quản đốc Phân xưởng Vận tải 3 Công ty than Cao Sơn
❖ 07/2008 - nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn-TKV
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần đang nắm giữ: **1.086 cổ phần**
Trong đó:
• Sở hữu cá nhân: **1.086 cổ phần**





- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14.3. Ban Kiểm soát

14.3.1. Đào Xuân Nam - Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 010491391 Ngày cấp: 28/2/1979 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 14/3/1955
- Nơi sinh: Vũ Trung – Kiến Xương – Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vũ Trung – Kiến Xương – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 19A2 Ngách 26/32 Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 045186433
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán tài chính, cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
- ❖ 1970 - 1977: Bộ đội
 - ❖ Tháng 07/1977 – 08/1989: Kế toán Công ty xây lắp I. Bộ điện Than
 - ❖ Tháng 09/1989 – 08/1993: Kế toán trưởng Xí nghiệp vật tư vận tải Công ty Than Nội địa
 - ❖ Tháng 09/1993 – 08/1994: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Công ty Than Nội địa
 - ❖ Tháng 09/1994 – 06/1998: Kế toán Trưởng Công ty Than Nội địa
 - ❖ Tháng 07/1998 - 05/2004 Chuyên viên cao cấp Ban Kế toán Tập đoàn TKV
 - ❖ Tháng 05/2004 - nay Phó phòng kiểm toán, Tập đoàn TKV
 - ❖ Tháng 01/2007 - nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Than Cao Sơn -TKV
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng kiểm toán, Tập đoàn TKV
- Số cổ phần đang nắm giữ: **300 cổ phần**
- Trong đó:
- Sở hữu cá nhân: **300 cổ phần**
 - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: không
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không





Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

14.3.2. Phạm Đức Xây - Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Số CMTND: 100959888 Ngày cấp: 30/11/2004 Nơi cấp: CA Quảng Ninh

Ngày tháng năm sinh: 20/4/1953

Nơi sinh: Thị trấn Vĩnh Bảo – Huyện Vĩnh Bảo – TP.Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thị trấn Vĩnh Bảo – Huyện Vĩnh Bảo – TP.Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Tổ 44 – Cẩm Bình - Cẩm Phả - Quảng Ninh

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033863923

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kinh tế Công nghiệp - Đại học KTQD

Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 02/1973 – 11/1973: Bộ đội đơn vị C2D576E5F350
- ❖ Tháng 12/1973 – 05/1976: Bộ đội đơn vị C13D6E5F165 Quân đoàn miền đông Nam bộ
- ❖ Tháng 06/1976 – 05/1977: Bộ đội đơn vị C8D5E5F165 Quân đoàn miền đông Nam bộ
- ❖ Tháng 06/1977 – 07/1980: Học sinh Trường Trung học Kinh tế Bộ điện Than
- ❖ Tháng 08/1980 – Nay: Phòng Kế hoạch Công ty Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 01/2007 - nay: Trưởng Phòng Kế hoạch CTCP Than Cao Sơn - TKV, ủy viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng phòng Kế hoạch và Giá thành sản phẩm, ủy viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ: 1.260

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.260
- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không





14.3.3. Đỗ Thị Thu Hằng

Giới tính: Nữ
Số CMTND: 100449947 Ngày cấp: 15/4/2005 Nơi cấp: CA Quảng Ninh
Ngày tháng năm sinh: 20/10/1968
Nơi sinh: Cẩm Phả, Quảng Ninh
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Cẩm Phả, Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú: Tổ 2D – Cẩm Thịnh - Cẩm Phả - Quảng Ninh
Số điện thoại liên lạc cơ quan: 033863085
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kinh tế doanh nghiệp - Đại học Kế toán tài chính
Quá trình công tác:
❖ Tháng 11/1985 – 6/1997: Công nhân đội thống kê, Phân xưởng Cơ điện, Bắc Cao Sơn – Mỏ Than Cao Sơn
❖ Tháng 06/1997 – 01/2007: Cán bộ phòng Kế toán tài chính – Công ty Than Cao Sơn
❖ Tháng 01/2007 - 02/2008: Cán bộ phòng Kế toán tài chính - CTCP Than Cao Sơn - TKV
❖ Tháng 03/2008 – Nay: Phó phòng Kế hoạch và Giá thành sản phẩm – Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV, ủy viên Ban kiểm soát CTCP Than Cao Sơn - TKV
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó phòng Kế hoạch và Giá thành sản phẩm, ủy viên Ban Kiểm soát Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
Số cổ phần đang nắm giữ: **1.100 cổ phần**
Trong đó:
• Sở hữu cá nhân: **1.100 cổ phần**
• Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không
Hành vi vi phạm pháp luật: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không





14.4. Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn - Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Số CMTND: 100968639 Ngày cấp: 11/3/2005 Nơi cấp : CA Quảng Ninh

Ngày tháng năm sinh: 01/8/1956

Nơi sinh: Cẩm Phả, Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phong Cốc – Yên Hưng – Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: Tổ 60A – Cẩm Trung - Cẩm Phả - Quảng Ninh

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033863082

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán Tài chính

Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 01/1976 – 10/1982: Công nhân lái máy Xúc Mỏ Than Đèo Nai
- ❖ Tháng 11/1982 – 04/1986: Học sinh Trường bổ túc văn hoá công nhân TW
- ❖ Tháng 05/1986 – 09/1990: Sinh viên trường Đại học tài chính kế toán
- ❖ Tháng 10/1990 – 07/1992: Kế toán Xí nghiệp Cảng và kinh doanh Than Cẩm Phả
- ❖ Tháng 08/1992 – 05/1993: Phó phòng kế toán thống kê Xí nghiệp Cảng và kinh doanh Than Cẩm Phả
- ❖ Tháng 06/1993 – 07/1993: Phó phòng Kiểm toán Công ty Than Cẩm Phả
- ❖ Tháng 08/1993 – 04/1995: Phó phòng máy tính Công ty Than Cẩm Phả
- ❖ Tháng 05/1995 – 06/1996: Trưởng phòng Thanh tra pháp chế Công ty Than Cẩm Phả
- ❖ Tháng 07/1996 – 11/1996: Phó Giám đốc Nhà máy bia Cẩm Phả
- ❖ Tháng 12/1996 – 01/2007: Kế toán trưởng Công ty Than Cao Sơn
- ❖ Tháng 01/2007 - nay: Kế toán trưởng CTCP Than Cao Sơn - TKV

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ: **1.304 cổ phần**

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: **1.304 cổ phần**
- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



Hành vi vi phạm pháp luật: không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

15. Tài sản

Danh mục tài sản chính thuộc sở hữu của Công ty đến 31/12/2007

Đơn vị: nghìn đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	60.718.093	285.469.891	483.510.633	1.387.145	8.513.112	839.598.874
Tăng trong năm	7.653.392	40.068.775	132.880.902	0	0	180.603.069
Giảm trong năm	20.244	322	19.650.966	0	0	19.671.532
Số dư cuối năm	68.351.241	325.538.344	596.740.569	1.387.145	8.513.112	1.000.530.411
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	27.619.820	189.503.761	217.698.502	1.127.555	6.135.164	442.084.802
Khấu hao trong năm	5.782.200	31.839.393	62.896.009	175.061	1.278.880	101.971.543
Thanh lý, nhượng bán	0	0	19.650.863	0	0	19.650.863
Số dư cuối năm	33.402.020	221.343.154	260.943.648	1.302.616	7.414.044	524.405.482
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	33.098.273	95.966.130	265.812.131	259.590	2.377.948	397.514.072
Tại ngày	34.949.221	104.195.190	335.796.921	84.529	1.099.068	476.124.928



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
cuối năm						

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007

Danh mục tài sản chính thuộc sở hữu Công ty tại ngày 31/03/2008

Đơn vị: nghìn đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị công tác	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Thiết bị động lực	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	68.351.241	315.782.806	603.781.569	1.411.645	11.03.150	1.000.530.411
Tăng trong kỳ	0	0	59.281.321	0	0	59.281.321
Giảm trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	68.351.241	315.782.806	663.062.890	1.411.645	11.203.150	1.059.811.731
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	33.402.020	221.343.154	260.943.648	1.302.616	7.414.044	524.405.482
Khấu hao trong kỳ	1.614.591	7.677.079	18.545.323	13.837	259.007	28.109.837
Thanh lý, nhượng bán						
Số dư cuối kỳ	35.016.611	229.020.233	279.488.972	1.316.453	7.673.051	552.515.320
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu	34.949.221	94.439.652	342.837.921	109.028	3.789.106	476.124.928





Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị công tác	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Thiết bị động lực	Tổng cộng
kỳ						
Tại ngày cuối kỳ	33.334.630	86.762.572	383.573.918	95.192	3.530.098	507.296.411

Nguồn: BCTC quyết toán quý I năm 2008

16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2008

16.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2008

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2008

Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2007
Vốn điều lệ	100.000	0,00%
Doanh thu	1.415.201	3,77%
Lợi nhuận trước thuế	53.864	61,71%
Lợi nhuận sau thuế	53.864	61,71%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/DT (%)	3,81%	55,84%
Lợi nhuận sau thuế/Bình quân vốn đầu tư của CSH (%)	53,86	61,71%
Tỷ lệ cổ tức (%)	12,0	0,00%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2008 Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

16.2. Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong năm 2008

Theo dự báo, giá than năm 2008 tiếp tục tăng cao do tình hình giá cả nguyên nhiên liệu trên thị trường thế giới, đặc biệt là dầu mỏ tăng mạnh. Mặt khác, giá than xuất khẩu sẽ tăng vọt do các quốc gia xuất khẩu than lớn trên thế giới như Indonexia và Australia sẽ hạn chế xuất khẩu than. Điều này tạo cơ sở đẩy giá bán cũng như sản lượng than tiêu thụ của Công ty năm 2008 sẽ tăng cao hơn so với năm 2007, kéo theo doanh thu và lợi nhuận cũng sẽ tăng cao.

Theo kế hoạch, trong năm 2008 Công ty sẽ khai thác 3.200.000 tấn than nguyên khai. Việc khai



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



thác sẽ được phân bố như sau:

STT	Vị trí	Khối lượng (1.000 Tấn)
I	Cao Sơn	1.510
<i>1</i>	<i>TTCS - vỉa 14-5 14-5A</i>	<i>1.300</i>
<i>2</i>	<i>Vỉa 13-1</i>	<i>90</i>
<i>3</i>	<i>Vỉa 14-4, 14-2</i>	<i>120</i>
II	Đông Cao Sơn	1.690
<i>1</i>	<i>Vỉa 13-1 ĐCS</i>	<i>770</i>
<i>2</i>	<i>Vỉa 14-5 ĐCS</i>	<i>920</i>
Tổng cộng		3.200

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận đặt ra Công ty tập trung vào việc giảm chi phí sản xuất. Các biện pháp đưa ra nhằm giảm chi phí sản xuất bao gồm:

- ❖ Tập trung khai thác kết thúc sớm moong Đông Cao Sơn vỉa 13-1 để tạo không gian đổ thải bãi thải trong nhằm rút ngắn cung độ vận chuyển đất, giải quyết được một phần thiếu năng lực vận tải như hiện nay.
- ❖ Tập trung bóc đất các tầng +155, +140, +110, +95, +80 khu vực giáp ranh giữa Đông Cao Sơn và Cao Sơn để mở rộng moong Trung tâm Cao Sơn về phía Nam để hạ thấp đường vận chuyển Đông - Tây Cao Sơn xuống mức -10, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác xuống sâu khu Trung tâm Cao Sơn.
- ❖ Củng cố và phát huy tốt mạng thoát nước Đông Cao Sơn - Tây Cao Sơn mức +80 - +57 để hạn chế lượng nước mặt chảy vào moong Trung tâm Cao Sơn, giảm thiểu chi phí bơm nước ra ngoài moong trong quá trình khai thác.

Mặt khác, tính đến thời điểm hiện tại, khoảng 20 thiết bị của Công ty đã hết thời gian khấu hao, Công ty sẽ dùng trích khấu hao cho những máy móc thiết bị đó. Từ đó sẽ giảm chi phí dẫn tới tăng lợi nhuận trong năm 2008 cũng như những năm tiếp theo.

Đồng thời, để đảm bảo năng lực sản xuất phục vụ cho quá trình khai thác than trong năm 2008, Công ty đã có kế hoạch đầu tư năng lực thiết bị như sau:



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



TT	Tên công trình	ĐVT	Số lượng	Cơ cấu đầu tư			KTCB khác
				Tổng số	Xây lắp	Thiết bị	
	Kế hoạch năm 2008			193.643	12.950	178.331	2.362
I	Công trình chuyển tiếp			188.095	12.950	174.750	395
1	Đầu tư bổ sung, duy trì năng lực thiết bị phục vụ sản xuất			18.387		18.307	80
	Xe gạt bánh lốp công suất 200 - 240 HP	xe	2	8.651		8.621	30
	Xe gạt bánh xích công suất 320 HP	xe	2	8.916		8.886	30
	Xe ma lóc 3-4 tấn	xe	1	578		558	20
	Máy toàn đạc	máy	1	242		242	
2	Đầu tư bổ sung năng lực thiết bị vận chuyển đất đá, than năm 2007 - 2009			156.653		156.443	210
	Ô tô tải khung cứng tự đổ, trọng tải 50 - 60 tấn	xe	15	95.562		93.462	100
	Ô tô tải khung cứng trọng tải 90 -100 tấn	xe	2	23.767		23.717	60
	Ô tô tải khung cứng tự đổ, trọng tải 50 - 60 tấn	xe	5	39.324		39.264	60
3	Đầu tư dự án công trình cải tạo và hoàn nguyên bãi thải +150 và +220 Đông Cao Sơn	HT	1	12.050	11.950		100
4	Sửa chữa, cải tạo kho phụ tùng máy khai thác	m ²	450	1.005	1.000		5
II	Công trình khởi động mới			3.678		3.581	97



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



TT	Tên công trình	ĐVT	Số lượng	Cơ cấu đầu tư			KTCB khác
				Tổng số	Xây lắp	Thiết bị	
1	Xe ô tô tải thùng lắp cần cẩu sức nâng Qmax 8 - 10 tấn	xe	1	3.678	3.581	97	
III	Chuẩn bị đầu tư			1.870			1.870
1	Khu rèn luyện sức khỏe công nhân			1.550			1.550
2	Phục hồi máy khoan CbIII 250	máy	1	50			50
3	Cải hoán xe Benlaz 7555 thành xe nâng kéo	xe	1	30			30
4	Kho chứa than chất lượng cao	m ²	2.200	70			70
5	Nhà xưởng sửa chữa phân xưởng cảng	m ²	350	30			30
6	Lắp đặt các cụm biến tần và khởi động mềm trung thế			110			110
7	Đầu tư các thiết bị phục vụ công nghệ sửa chữa và thiết bị phụ trợ			30			30
	Máy phát điện xoay chiều Udm=380V, công suất ≥300kVA chạy Diesel	máy	1	10			10
	Máy nén khí 10m ³ /phút, sử dụng cho 2 máy khoan tay đường kính mũi 18-24 mm	máy	1	10			10
	Máy tiện công suất P ≥7kW	máy	1	10			10

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Tính đến ngày 31/03/2008, Công ty thu được mức lợi nhuận 4,4 tỷ đồng, đạt 8,17% kế hoạch cho





cả năm (khoảng 53,86 tỷ đồng). Nguyên nhân là do:

- ✚ Quý I, Công ty bóc huyệt 2.593.000 m³ so với kế hoạch do thời tiết mưa phùn nhiều ngày và nghỉ tết Nguyên Đán.... Điều này làm phát sinh chi phí khoảng 80 tỷ đồng và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Quý I.
- ✚ Với nhu cầu lấy than dưới moong sâu trước mùa mưa, Công ty tập trung khai thác dưới moong hơn 944.974 tấn than, đạt khoảng 29,5 % kế hoạch năm, dẫn đến chiều cao nâng tải lớn. Do đó, chi phí nhiên liệu, vật tư huy động phí tăng cao. Hơn nữa giá vật tư, nhiên liệu tăng cao làm cho chi phí phát sinh tăng 13 tỷ đồng so với kế hoạch.

Để đạt mức lợi nhuận 53,86 tỷ đồng như kế hoạch đặt ra từ đầu năm, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất trong quá trình khai thác than, Công ty tập trung vào thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- ✚ Bóc đất đủ hệ số, lấy than ở trên cao dẫn đến chiều cao nâng tải thấp, chi phí, huy động phí thấp hơn so với đầu năm. Đồng thời cuối năm Tập đoàn TKV sẽ xem xét bù giá cho các vật tư nhiên liệu tăng so với giá khoán kế hoạch. Như vậy, chi phí sản xuất sẽ được bù đắp so với mức chi phát sinh tăng trong quý I.
- ✚ Hơn nữa, Công ty sẽ bán các loại than cám tốt có giá thị trường phẩm cao để tăng doanh thu. Dự kiến doanh thu vượt 20 tỷ đồng so với kế hoạch đặt ra cho 9 tháng cuối năm.

Như vậy, Công ty tin tưởng vào khả năng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, cổ tức đặt ra cho năm 2008.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chúng tôi- Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS) đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong năm 2005, 2006, 2007 vừa qua và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành và của nền kinh tế Việt Nam thời gian tới, KLS nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Than Cao Sơn - TKV có tính khả thi nếu không có những biến động lớn hay rủi ro bất khả kháng ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Công ty đưa ra mức cổ tức bình quân trong năm tới là 12%, đây là mức cổ tức mà Công ty có thể chi trả.

Trên đây là các đánh giá của chúng tôi về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty. Chúng tôi xin lưu ý rằng những ý kiến nhận xét của chúng tôi đưa ra là dựa trên các thông tin mà chúng tôi thu thập được tại thời điểm lập bản cáo bạch cũng như tổng hợp và phân tích các thông tin này dựa trên các lý thuyết tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo cho tính chắc chắn của các số liệu kế hoạch nêu trên. Đây chỉ là những nhận xét mang tính tham khảo đối với các nhà đầu tư cũng như những đối tượng có liên quan.

18. Thông tin liên quan về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký Niêm yết:

Trang 80

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG (KLS)

Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội; ĐT: 04 7.726868; Fax: 04 7.726131; www.kls.vn





Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Chứng khoán Niêm yết:

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 / cổ phiếu
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết: 10.000.000 (Mười triệu) cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Công ty:
- 4.1 Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập

Theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực từ ngày 01/07/2006 và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/07/2006, số lượng cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ theo Giấy đăng ký kinh doanh số 22 03 000748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 8/04/2008 sẽ không được chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày Công ty được nhận Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu (02/01/2007).

Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5.100.000	51,0000%
2	Nguyễn Xuân Lập	826	0,0083%
3	Mai Huy Giáp	913	0,0091%

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

- 4.2 Hạn chế chuyển nhượng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Điều 9, khoản 1d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007 có quy định: “cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV



Danh sách cổ đông và số lượng cổ phần, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên được liệt kê theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo
1	Lê Đình Trường	Chủ tịch HĐQT	1.130	1.130	565
2	Nguyễn Xuân Lập	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	2.000	2.000	1.000
3	Mai Huy Giáp	Ủy viên HĐQT	913	913	457
4	Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc	826	826	413
5	Vương Văn Biên	Phó Giám đốc	1.086	1.086	543
6	Đào Xuân Nam	Trưởng Ban kiểm soát	300	300	150
7	Phạm Đắc Xây	Ủy viên Ban kiểm soát	1.260	1.260	630
8	Đỗ Thị Thu Hằng	Ủy viên Ban kiểm soát	1.100	1.100	550
9	Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	1.304	1.304	652
Tổng cộng			9.919	9.919	4.960

Nguồn: Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

5. Phương pháp tính giá: Giá trị sổ sách

Trang 82





Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu của Công ty

❖ **Tại thời điểm 31/12/2007**

Nguồn Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ

112.273.108.523

= ----- ≈ 11.227 đồng / CP

10.000.000

❖ **Tại thời điểm 31/03/2008**

Nguồn Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ

116.682.906.126

= ----- ≈ 11.668 đồng / CP

10.000.000

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV không qui định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên TTGDCK thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các Quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Theo Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% vốn điều lệ của Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư, Công ty được hưởng những ưu đãi đối với Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- ❖ Được hưởng thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2007 đến năm 2016);





- ❖ Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo (năm 2009, 2010 và 2011).

Thuế tài nguyên

Thuế suất tài nguyên đối với sản xuất lộ thiên là 2%. Giá tính thuế tài nguyên được xác định theo quy định tại Thông tư số 153/1998/TT-BTC ngày 26/11/1998 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 3/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế Tài nguyên.

Thuế GTGT và thuế thu nhập đối với lĩnh vực chứng khoán

Theo qui định trong Thông tư số 100/2004/TT-BTC “Hướng dẫn về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán”, ban hành ngày 20/10/2004, cổ tức thu từ cổ phiếu thuộc diện miễn thuế hoàn toàn đối với tất cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Thông tư số 100/2004/TT-BTC cũng qui định nhà đầu tư cá nhân không phải đóng thuế trên khoản chênh lệch giá khi bán cổ phiếu (tại mục III.4). Nhà đầu tư là tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu (tại mục III.2) như sau:

$$\text{Thuế thu nhập từ chênh lệch do bán cổ phiếu} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

$$\text{Thuế suất} = \text{Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư}$$

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu} = \text{Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng} * 0,1\%$$

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: Số 22 Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 772 6868

Fax: (84-4) 772 6131

Website: www.kls.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 06/09/2006.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 18/UBCK - GPHĐKD ngày 6/10/2006 do UBCKNN cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bổ sung số 281/QĐ -UBCK ngày 27/04/2007 do UBCKNN cấp.

2. Tổ chức kiểm toán



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

Trụ sở: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.8241990/1

Fax: 84.4.8253973

Website: www.aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh;
- Phụ lục 2.** Điều lệ Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV;
- Phụ lục 3.** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006 và năm 2007, BCTC quyết toán quý I năm 2008;

